

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What are the most popular travelling destinations in your country?

Well, it depends on different age groups.

I believe young people prefer travelling to big cities, like Nha Trang, Da Lat, Ho Chi Minh City since they can enjoy themselves by shopping, playing in a theme park, or experiencing something stimulating and intriguing.

Yet, for the elderly/older people, I guess they possibly choose places with stunning natural scenery, like some famous mountains and small villages.

In general, quite a number of Vietnamese people of all ages have a special sentiment towards resorts that are surrounded by the sea where they can spoil themselves in swimming and enjoying seafood.

Câu hỏi về ưu khuyết điểm**Cách trả lời**

Nêu ưu điểm: Well, ... is beneficial in many/a variety of ways.

Firstly, ...

Besides, ...

More importantly/Most importantly, ...

Nêu khuyết điểm: Yet, when it comes to the drawbacks, I have to say that ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Is tourism always good for places?

Tourism can be good for places since it can boost the local economy and increase employment.

Yet, if we rely too much on tourism, the local life might be disturbed and the ecosystem might be undermined because more tourists means more littering and more polluting.

So, we need a bit of balance for that. For example, we can work out some strict rules at all tourist destinations or raise tourists' awareness of eco-protection.

What are the advantages and disadvantages of tourism? (tham khảo câu trả lời gợi ý bên trên)

Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: đưa ra quan điểm, nêu lý do, nêu ví dụ, nêu giả định, đề cập mặt đối lập của vấn đề, kết luận.

Đưa ra quan điểm: Personally, I think ...

Nêu lý do: simply because ...

Nêu ví dụ: For example, ...

Nêu giả định: Without ...

Đề cập mặt đối lập: On the other hand, ...

Kết luận: In short/All in all/In summary/To conclude/To sum up/In a word, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Should all people take public transport?

Đưa ra quan điểm

Yes, I believe that people should take public transport as much as possible

Nêu lý do

simply because it is economical and environment-friendly since less gas emission will be produced. Plus, it may promote the efficiency of traffic because it carries more passengers at a time.

Nêu giả định

Without public transport, there would be more vehicles on the road, so traffic congestion will take place so often, and undoubtedly, road travel will be much more problematic.

Kết luận

So, taking public transport should be encouraged.

Should public transport be free of charge?

Đưa ra quan điểm

No, I don't think that public transport should be free of charge (đưa ra quan điểm theo hướng phủ định)

Nêu lý do

simply because if we run the system for free, there will be less money for the basic expenses, including buying new buses or trains, paying employees, maintaining and repairing the infrastructure. So, the consequence is that service quality will be lowered; the system will be less reliable and tend to be out of control.

Kết luận

So, it is better if it is reasonably charged and managed.

5. Shopping and Lifestyle

Phân 2

Đề bài

Các đề tài chính

- ① Cửa hàng/Nơi mua sắm yêu thích: Describe your favourite shop/place for shopping.
- ② Món hàng đắt tiền bạn muốn mua: Describe something expensive you want to buy if you have money.
- ③ Sản phẩm bạn muốn mua ở nước ngoài: Describe a product you want to buy from a foreign country.
- ④ Sản phẩm điện tử: Describe an electronic product.
- ⑤ Đồ nội thất: Describe a piece of furniture.
- ⑥ Chiếc xe bạn muốn mua: Describe a vehicle you want to buy. (xem thêm ở phần Đề bài về phương tiện giao thông)
- ⑦ Nhà hàng yêu thích: Describe your favourite restaurant.
- ⑧ Món ăn nước ngoài yêu thích: Describe your favourite foreign food.
- ⑨ Luật mới: Describe a new law that may make our life better.

Các đề tài mở rộng

- ① Cách giao tiếp với bạn bè mà bạn yêu thích: Describe your favourite way of communicating with your friends.
- ② Phong cách ăn mặc yêu thích: Describe your favourite clothing style.
- ③ Trang phục dành cho một dịp đặc biệt: Describe a piece of clothing for a special occasion.
- ④ Bữa ăn đặc biệt: Describe a special meal you want to have with others.
- ⑤ Một dịp được người khác chúc mừng: Describe an occasion when others celebrated for you.
- ⑥ Một thứ bạn tự tay làm: Describe something you made by yourself. (ví dụ một món ăn bạn tự nấu)

Hướng dẫn trả lời từng đề cụ thể

Mua sắm

Một số điểm cần lưu ý

– Với đề yêu cầu mô tả sản phẩm bạn muốn mua ở nước ngoài, bạn nên chọn sản phẩm thỏa mãn những điều kiện sau:

- giá thấp hơn so với hàng trong nước
- chủng loại đa dạng hơn so với hàng trong nước
- không có hàng giả
- không được bán rộng rãi ở trong nước do số lượng có hạn
- có thể sử dụng được ở nước ngoài (ví dụ mua một chiếc xe trong thời gian du học)

Sản phẩm điện tử và hàng cao cấp có thể thỏa mãn các điều kiện trên.

– Khi chuẩn bị cho đề về mua sắm, bạn có thể tập trung vào các sản phẩm sau:

- ✓ an electronic product *sản phẩm điện tử*
- ✓ luxury stuff *hàng cao cấp*
- ✓ a vehicle (xem phần Đề bài về phương tiện giao thông)
- ✓ a house (xem phần Đề bài về nhà ở)

– Đối với đề liên quan đến nơi mua sắm, bạn có thể tập trung vào các địa điểm và mặt hàng sau:

- ◆ cửa hàng/trung tâm mua sắm
- ◆ kiểu trang phục yêu thích
- ◆ sản phẩm điện tử

Sản phẩm điện tử

Describe an electronic product.

**You should say: what it is
what you can use it for
how much it will cost
and explain why you want to have it.**

Từ vựng liên quan đến sản phẩm điện tử

laptop	máy tính xách tay
projector	máy chiếu
RAM	bộ nhớ trong
screen	màn hình
keyboard	bàn phím
USB flash disk/USB drive/USB stick	
thẻ nhớ USB	
smartphone	điện thoại thông minh

all-in-one machine	máy đa năng
processor	bộ xử lý
stereo speaker	loa âm thanh nổi
desktop	máy tính để bàn
ultrabook	máy tính xách tay siêu mỏng
hard disk	ổ đĩa cứng
mouse	con chuột

Từ vựng liên quan đến máy ảnh

aperture	khẩu độ
zoom lens	ống kính thu phóng
flashlight	đèn nháy
wide-angle lens	ống kính góc rộng
filter	kính lọc

DSLR (digital single lens reflex) (máy ảnh)	kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn
telephoto lens	ống kính chụp xa
shutter	nắp đóng ống kính
tripod	giá ba chân

Từ vựng mô tả kiểu dáng của sản phẩm điện tử

trendy/fashionable/stylish/eye-catching/posh	hợp thời trang/bắt mắt
the surface is sleek and neat	bề mặt đẹp và tinh xảo
ultra-thin design and metallic body	thiết kế cực mỏng và thân bằng kim loại
brand-new and cutting-edge	mới tinh và vượt trội

Từ vựng liên quan đến giá tiền của sản phẩm điện tử

pricy/costly/cost a fortune	đắt tiền
moderate/reasonable/affordable/inexpensive	hợp lý/phải chăng/rẻ

Từ vựng mô tả đặc điểm của sản phẩm điện tử

informative	nhiều thông tin
durable	bền
handy/mobile/portable	dễ mang đi
capacious	dung lượng lớn

innovative	cải tiến
multifunctional/versatile	đa năng
intelligent	thông minh
practical	thiết thực

Dáp án tham khảo

Câu mở đầu	Well, the electronic product I want to have is called Macbook Air, which is called “the thinnest laptop in the world”, another masterpiece created by Steve Jobs.
Mục đích sử dụng	It functions like other computers, so I can easily and comfortably use it for studies, entertainment, personal communications, and playing computer games.
Giá tiền	Frankly speaking, I cannot recall the accurate price. I guess the price range is around 600 USD.
Các lý do	Well, I want to have a Macbook Air for several reasons.
Lý do 1	Firstly, I need a laptop because it is a necessity.
Thông tin khách quan	Since I am about to study overseas, a laptop is an essential equipment. Without a computer, how could I conveniently work out my assignments and prepare my class presentations?
Thông tin chủ quan	This computer provides me with all the office software and applications. It is also durable with a standby time/battery life of more than 7 hours, and I can bring it with me to the classroom as a notebook.
Lý do 2	Besides, I feel that it is multifunctional and versatile.
Thông tin khách quan	Apart from studying, I can use it in a variety of ways, such as listening to music, watching movies, chatting with my friends, and surfing the Internet.
Thông tin chủ quan	Today, it seems a laptop is an indispensable tool for everyone, especially for netizens like me.
Lý do 3	Most importantly, Macbook Air is highly distinctive for its mobility.
Thông tin khách quan	As Steve Jobs himself said: It is so thin that you may not even feel it. It is even lighter than a magazine; I can put it into my backpack without effort.
Thông tin chủ quan	Plus, I am deeply fascinated by its sleek and neat appearance with a shining apple logo in the middle of the front.
Kết luận	All in all, those are the reasons why Macbook Air is the one I am longing for all the time.

Bạn có thể nêu 4 ý dưới đây khi mô tả các sản phẩm điện tử như smartphone, electronic dictionary, recorder, video game player:

- necessity *sự cần thiết*
- multifunctions *tính đa năng*

- handiness *sự tiện dụng*
- fondness *sự ưa thích*

Bảng tóm lược các lý do (cùng thông tin khách quan và thông tin chủ quan) khiến bạn muốn mua một sản phẩm điện tử

Lý do	Thông tin khách quan	Thông tin chủ quan
necessity	Without it, I couldn't ...	Since I am going to study overseas, it is a must-have gadget (<i>vật dụng thiết yếu</i>) for my schooling on a daily basis.
multifunctions	Besides doing A, I can also do B, C, and D.	It is an all-in-one device for me.
handy/portable	It is thin and light, so I can easily put it into my pocket.	Especially when I take a trip or study overseas, I can carry it with me easily wherever I go.
trendy / fashionable	The exterior design is cutting-edge and eye-catching.	As a fashion-conscious person, I've always dreamed of having a(n) ...
innovative and creative	It is full of high-tech designs and functions, such as a multi-touch screen (<i>màn hình cảm ứng đa điểm</i>), all-glass surface (<i>bề mặt toàn kính</i>), man-machine interactive device (<i>thiết bị tương tác giữa người và máy</i>), built-in sensor (<i>bộ phận cảm biến</i>), apps (<i>các ứng dụng</i>).	I believe this is the most amazing ... so far.
reasonable / affordable price	Normally, the price is about ... on the market.	As a student, it suits me pretty well.

Sản phẩm bạn muốn mua ở nước ngoài

Describe a product you want to buy from a foreign country.

You should say: what that is
where you can buy it
how much it will cost
and explain why you want to buy it from another country.

Các sản phẩm (đặc biệt là hàng cao cấp) mà nhiều người muốn mua ở nước ngoài gồm:

handbag túi xách	belt thắt lưng	wallet ví nam
bracelet vòng tay	sunglasses kính râm	jewels hàng trang sức
ring nhẫn	diamond kim cương	wristwatch đồng hồ đeo tay
chain dây chuyền	purse ví nữ	

Từ vựng mô tả đặc điểm của sản phẩm

dandy tuyệt vời	mysterious kỳ bí
aristocratic quý phái	unparalleled/incomparable không gì sánh bằng
indescribable không thể tả được	delicate tinh xảo
prestigious có uy tín	classy (informal) có đẳng cấp
dazzling sáng chói	avant-garde hiện đại
luxurious sang trọng	

Đáp án tham khảo

Answers to the first three questions are similar to those of other topics.

Lý do 1 Firstly, I feel that most luxury goods there are genuine and authentic.

Thông tin làm rõ lý do I believe that it is impossible for me to come across counterfeits, and the quality is reliable and trustworthy.

Lý do 2 Besides, I also think that the price of luxury goods is affordable.

Thông tin làm rõ lý do Especially, when it comes to the sale season or promotion, I might buy them at a low price.

Lý do 3 More importantly, I may have a wider range of selections in a foreign country.

Thông tin làm rõ lý do It is more likely that I find some limited editions available, which is rare in my country. Normally, they have new arrivals available earlier as well. So, it is really advantageous.

Lý do 4 One more to add, they provide door-to-door service.

Thông tin làm rõ lý do They promise that the ordered items will be delivered overnight, which vastly meets the consumers' expectation. And besides, we can escape from the crowds and fatigue of getting around and shopping, so it is time-saving and energy-saving. With a click of my mouse, shopping is just as easy as it sounds.

Kết luận In summary, those are the reasons why I want to buy luxury goods from another country.

Cửa hàng

Describe your favourite shop.

You should say: what the shop is and what is specialises in how often you go to this shop what kinds of people go shopping there and explain why you like this shop.

Đáp án tham khảo

- Câu mở đầu Well, my favourite shop is called Viettien, which is a well-known Vietnamese brand name. It is currently one of the most popular garment shops in Vietnam. It specialises mainly in men's garment, including shirts, trousers, suits; they even have a section for accessories like wallets, ties, belts, or cufflinks.
- Tần suất Normally, whenever I am in the mood to go window-shopping, Viettien is my priority.
- Khách hàng When it comes to other shoppers, I guess it is welcomed by people from all walks of life, such as students, white-collar workers, teachers, or businessmen.
- Các lý do I like Viettien for a couple of reasons.
- Lý do 1 Firstly, their costume design and quality are highly selective and tasteful
- Thông tin khách quan simply because most of the clothes are designed by well-trained designers, and they provide cutting-edge fashion and elegant designs in the first place.
- Thông tin chủ quan Personally, I really appreciate the originality and freshness of the design.
- Lý do 2 Besides, I also think that Viettien is a relaxing place to hang around.
- Thông tin khách quan The whole decor and lighting are pretty sensational. The layout of the shop is customer-oriented; you can easily find what you are looking for.
- Thông tin chủ quan The shopping atmosphere is pretty soothing. Even the background music boosts my shopping appetite.
- Lý do 3 More importantly, the services are superb.

Thông tin khách quan The shop assistants at Viettien shops are always hospitable. Your purchases are gift-wrapped. Also, vouchers can be bought instead.

Thông tin chủ quan Then, I find it pleasant and convenient whenever I want to offer a gift to somebody as they can have it as their own preference.

Kết luận In short, those are the reasons why I prefer Viettien outlets.

Đề liên quan

Describe a place where you can go shopping.

Lối sống

Trang phục yêu thích

Describe your favourite clothing style.

You should say: what that is
what kinds of clothes this style includes
how often you wear it
and explain why you like it.

Trang phục và phụ kiện

leisurewear thường phục
leggings quần thun bó
cardigan áo len đan
skinny jeans quần jean bó
sneaker giày thể thao
flip-flop dép xỏ ngón
scarf khăn choàng cổ
wedding dress/gown đầm cưới
sportswear trang phục thể thao
jacket áo khoác
pullover áo len chui đầu
shorts quần soóc

slipper dép lê
jersey áo len chui đầu
glove găng tay
tuxedo bộ lễ phục
T-shirt áo thun
hoodie áo có mũ
V-neck cổ chữ V
pyjama bộ quần áo ngủ
sandal giày có quai hậu
belt thắt lưng
bow tie nơ buồm

Đáp án tham khảo

- Câu mở đầu (kết hợp nếu chung loại quần áo) Well, my favourite clothing style is casual clothing, which includes a wide range of selections, such as T-shirts, jeans, or sporty outfits.
- Tần suất Các lý do Lý do 1 Thông tin khách quan Thông tin chủ quan Lý do 2 Thông tin khách quan Thông tin chủ quan Lý do 3 Thông tin khách quan Thông tin chủ quan Kết luận Basically, I wear them almost every day since I am still a college student, and casual clothes fit my status pretty well. I like wearing casual clothes for a few reasons. Firstly, I consider that casual clothes are pretty comfortable simply because wearing casual clothes like T-shirts and shorts helps me cope comfortably with daily life activities, like walking, jogging, or going up and down stairs. I am a sporty person; if I wore formal clothes like a suit, it would really make me feel uncomfortable. Besides, I also feel that a casual clothing style is appropriate for me to fit in/blend in with my age group. For most of my peers at school, casual clothes are mainstream. And wearing clothes with designs or graphic patterns makes me look more confident and energetic. Most importantly, the biggest reason for casual clothes is that they are totally and utterly affordable. Normally, a T-shirt only costs me roughly 5 USD. And I can easily catch up with the cutting-edge trend without paying a fortune. In summary, those are the reasons why I like casual clothes.

Đề liên quan

Describe a piece of clothing you will wear on a special occasion.

Kiến thức bổ sung

Group buying / purchasing *mua chung* / nhóm mua

Giới thiệu sơ lược: Group buying is a modern type of consumption. Specifically, when a certain number of people are signing up for the same item, the discount or price reduction will be available for all.

Hình thức mua chung / nhóm mua trở nên phổ biến vì những lý do sau:

1. It has great money value, which is attractive for bargain shoppers. *Mua chung* được hưởng mức giá ưu đãi, đây là điều hấp dẫn đối với những người thích mua hàng giá rẻ.
2. Those group-buying websites provide refund service after the deals expire. Các trang web *mua chung* cung cấp dịch vụ hoàn lại tiền sau khi giao dịch hết hạn.
3. The business provides undifferentiated service. *Doanh nghiệp* cung cấp dịch vụ không đối xử phân biệt với nhóm khách hàng này.
4. Heaps of updated information comes up all the time. Khách hàng luôn được cập nhật rất nhiều thông tin.
5. It makes a triple-win situation for merchants, group-buying websites, and consumers. *Mua chung* có lợi cho cả 3 bên – nhà kinh doanh, trang web *mua chung* và người tiêu dùng.

Nhà hàng yêu thích

Describe your favourite restaurant.

You should say: what it is and where it is
how often you go there
what kinds of food you have there
and explain why you like this restaurant.

Từ vựng liên quan đến nhà hàng, quán ăn

cafeteria / eatery / canteen / buffet restaurant
quán ăn tự phục vụ / cảng tin / nhà hàng bán
thức ăn tự chọn
western-style restaurant nhà hàng kiểu Tây
food court khu ăn uống

bakery cửa hàng bánh
chafing dish restaurant nhà hàng lẩu
mini hotpot lẩu nhỏ
snack bar quán rượu (có bán thức ăn nhẹ)
cafe quán giải khát

Đáp án tham khảo

- Câu mở đầu Well, the restaurant I like is called Deli chain restaurant, which is a Japanese-style restaurant specialising in sushi and sashimi. Basically, Deli restaurants are located in several districts and I often stop by the one which takes me only 5 minutes' walk from where I work.
- Tần suất Normally, whenever I am in a rush for lunch, it is my first choice since I only have one hour for the lunch break.
- Món ăn Apart from serving sushi, it also provides a variety of special dishes, such as sashimi, udon noodles, or miso soup.
- Các lý do I love this restaurant for several reasons.
- Lý do 1 Firstly, the food there is really healthy and nutritious.
- Thông tin khách quan Since it is made of rice, vegetables, and seafood, it provides all sorts of nutrition, such as vitamins, protein, and energy.
- Thông tin chủ quan In such a short time, I don't fancy junk food, and sushi meets my requirement for nutrition.
- Lý do 2 Besides, I also feel that the service there is fairly customer-oriented.
- Thông tin khách quan It is a kind of buffet with a revolving conveyor presenting all types of sushi in front of every customer.
- Thông tin chủ quan I don't need to take time to order or wait; it is ready-to-serve.
- Lý do 3 More importantly, I always find the location handy simply because I need to finish my lunch as soon as possible; so my selection is confined to the same building where I am working.
- Thông tin chủ quan I actually feel relaxed when eating there.
- Kết luận In short, those are the reasons why Deli is my favourite restaurant.

Đề liên quan

Describe a special meal you want to enjoy with other people

You should say: what the meal is

where you want to have this meal

who you want to enjoy it with

and explain why you want to talk about this meal.

Món ăn nước ngoài yêu thích

Describe your favourite foreign food.

**You should say: what the food is and which country it comes from
where you can get it
what ingredients it is made from
and explain why you like it.**

Có rất nhiều món ăn của nước ngoài. Bạn có thể nói về một trong những món ăn dưới đây:

spaghetti	mì spaghetti	barbecue	thịt nướng vị
steak	bít tết	Tom Yam Kung	súp tôm cay
sake	ruou sakê	lasagna	mì ống
udon	mì udon	sashimi	món cá sống ăn với mù tạt
Pat Thai	phở xào	tempura	món rán (Nhật) (hải sản/rau/củ tẩm bột rán giòn)
pasta	mì ống	cold noodles	mì lạnh
sushi	món cơm cuộn hải sản (Nhật)	curry	càri
miso soup	canh miso	kebab	món thịt nướng (Trung Đông)
kimchi	kim chi (Hàn Quốc)		

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the foreign food I like most is sushi, which is the symbol of Japanese cuisine. It is regarded as the healthiest food in the world.

Địa điểm Basically, it can be easily found in many kinds of places, mainly at Japanese restaurants, supermarkets, and cafeterias.

Thành phần của món ăn The food is a combination of different vegetables and seafood with rice, such as cucumber, seaweed, salmon, and shrimp.

Các lý do I love sushi for several reasons.

Lý do 1 Firstly, I think sushi is pretty handy.

Thông tin khách quan Sushi comes in a roll or in a box; it is very convenient to take away.

Thông tin chủ quan Occasionally, I'm in a hurry for work, so I have to finish my lunch as soon as possible.

Lý do 2 Besides, I also think sushi is nutritious.

- Thông tin khách quan It provides us with all sorts of daily essential nutrition, such as vitamins, protein, minerals, fibre, and it is low in fat and calories.
- Thông tin chủ quan I am currently trying to lose weight, so it is perfect to feed myself and makes me worry-free regarding weight gain.
- Lý do 3 Most importantly, I always feel the price is totally and utterly affordable.
- Thông tin khách quan It only costs me roughly 5 USD for a meal on average, and it is a real bargain compared with other options.
- Thông tin chủ quan I am on a tight budget, so the cheaper, the better.
- Kết luận In short, those are the reasons why I like sushi.

Đề liên quan

Describe something you made by yourself.

Ví dụ về cách làm món sushi

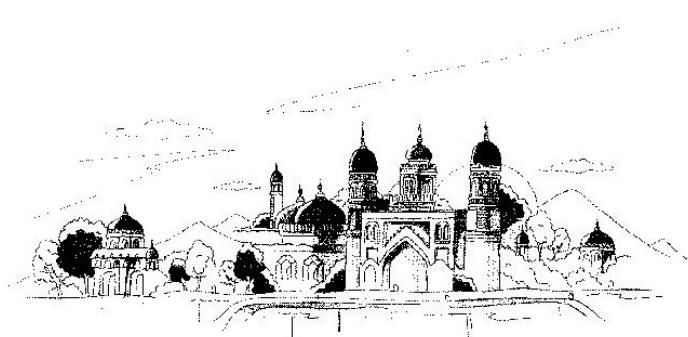
Step 1: Place a bamboo mat on the table. *Đặt một miếng lót bằng tre lên bàn.*

Step 2: Put nori – a thin sheet of seaweed, which is ideal for rolling sushi – on the bamboo mat. *Đặt nori – một miếng rong biển mỏng, nguyên liệu lý tưởng để cuốn sushi – lên miếng lót bằng tre.*

Step 3: Spread rice evenly on the nori. *Trải đều cơm lên miếng nori.*

Step 4: Put vegetables (cucumber, carrot) and sushi-grade seafood (salmon, squid, jellyfish, cuttlefish) onto the rice. *Đặt rau củ (dưa chuột, cà rốt) và hải sản chuyên dùng làm sushi (cá hồi, mực ống, sứa, mực nang) lên cơm.*

Step 5: Wrap it into a roll and cut it into pieces with a sharp knife. *Cuốn lại thành một cuộn rồi dùng dao sắc cắt lát.*



Phân 3

Câu hỏi yêu cầu đưa ra lựa chọn

Các câu hỏi điển hình

Do you prefer buying domestic goods or imported goods?

Do you prefer eating at home or at a restaurant?

Do you prefer shopping online or at a real shop?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: đưa ra quan điểm, nêu lý do, nêu ví dụ, nêu giả định, đề cập mặt đối lập của vấn đề, kết luận.

Đưa ra quan điểm: Personally, I think ...

Nêu lý do: simply because ...

Nêu ví dụ: For example, ...

Nêu giả định: Without ...

Đề cập mặt đối lập: On the other hand, ...

Kết luận: In short/All in all/In summary/To conclude/To sum up/In a word, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Do you prefer shopping online or at a real store?

Đưa ra quan điểm

Well, mostly, I prefer shopping online

Nêu lý do

simply because it is very convenient to shop online: prices are lower, the quality is trustworthy, and the delivery service is quick.

Nêu ví dụ

For example, the price is 20% less than the market price; besides, you can get something you ordered in the morning delivered the following day.

Nêu giả định

If I go window-shopping at real stores, it might be a lot of trouble since I will have to visit different places, but if I shop online, I can save time by doing comparison sitting in front of a computer.

Đề cập mặt
đối lập

Yet, for some items, like clothes, I guess it is more reliable to try them on to decide which size fits me best.

Kết luận

In summary, online shopping is more desirable.

Câu hỏi về sự thay đổi

Các câu hỏi điển hình

How has people's way of shopping changed?

How has people's way of eating changed?

Cách trả lời

Nêu sự khác biệt ở sự vật, sự việc, cách thức thực hiện hành động... giữa thời điểm quá khứ và trong hiện tại.

Generally speaking, people used to ... in a traditional and conventional way, such as ...

But now, an increasing number of people, especially young people, tend to ... in a more diversified way, including ..., simply because our way of life has deeply been transformed by the Internet and technology.

Câu hỏi và trả lời gợi ý

How has people's way of shopping changed?

Well, people used to shop in traditional shopping places, like a department store, a grocery, or a street stall.

But now, consumers' shopping habits have been transformed by the Internet and e-commerce, and more people tend to shop on the Internet or go shopping in foreign countries, such as the States or France.

Câu hỏi về sự khác biệt

Các câu hỏi điển hình

What are the differences between men's and women's shopping habits?

What are the differences between shopping online and shopping at a real store?

What are the differences between big stores and small stores?

Cách trả lời

Tìm những điểm khác biệt giữa A và B rồi trình bày theo các mẫu câu sau:

Compared with A, B tends to ...

Unlike A, B is more/less likely to ...

A is ..., while B is more/less likely to ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What are the differences between men's and women's shopping habits?

Compared with men, women are probably more partial towards shopping, and they are more willing to spend an excessive amount of time on shopping.

Unlike women, men are more likely to be target-oriented or purpose-driven when they go shopping, and they might find shopping laborious.

Men probably have more interests in stuff like electronic products or cars, while women focus more on household stuff or clothes.

Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm

Các câu hỏi điển hình

Is it popular to buy imported goods in your country?

Why do some people like buying luxury goods?

Why do some people like shopping online?

Do people today eat too much fast food?

Should children learn how to cook?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: giới thiệu khái quát và liệt kê.

- ❖ In terms of ..., I think that ...
- ❖ When it comes to ..., I just think that ...
- ❖ I feel/find that ...
- ❖ Regarding ..., my point is that ...
- ❖ Personally, I believe that ...

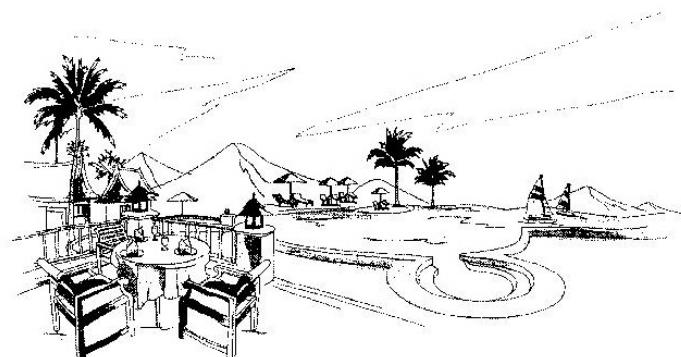
Sau khi nêu quan điểm ở câu giới thiệu khái quát, bạn phải đưa ra ít nhất 2 thông tin để làm rõ quan điểm đó. Bạn có thể dùng các từ firstly, besides, cụm từ more importantly/most importantly để mở đầu câu khi trình bày những thông tin này.

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Why do some people like buying luxury goods?

Những lý do khiến một số người thích mua hàng cao cấp:

- ✓ peer pressure (chiu) áp lực từ người cùng địa vị
- ✓ celebrity effect (chiu) ảnh hưởng của người nổi tiếng
- ✓ values advocated by brand culture văn hóa thương hiệu cổ vũ cho giá trị
- ✓ symbolise social status/wealth/power tượng trưng cho địa vị xã hội/sự giàu có/quyền lực
- ✓ perfect match for one's temperament hoàn toàn phù hợp với tính khí của một người
- ✓ stand for premium quality and workmanship tượng trưng cho chất lượng và sự tinh xảo tuyệt hảo
- ✓ bring about a sense of satisfaction mang đến cảm giác thỏa mãn
- ✓ might appreciate with time có thể tăng giá trị theo thời gian
- ✓ a way of rewarding or stimulating một cách để khen thưởng hoặc động viên



6. Fitness and Environment

Phần 2

Đề bài

Các đề tài chính

- ① Lối sống lành mạnh: Describe a person who has a healthy lifestyle.
- ② Điều thay đổi tích cực: Describe a positive change you want to make in your life.
- ③ Hoạt động ngoài trời yêu thích: Describe your favourite outdoor activity.

Các đề tài mở rộng

- ① Vật có ích cho sức khỏe: Describe something good for your health.
- ② Hoạt động có ích cho sức khỏe: Describe something you do to keep healthy.
- ③ Hành động bảo vệ môi trường: Describe something you can do to protect our environment.
- ④ Một loại tiếng ồn: Describe a kind of noise.

Hướng dẫn trả lời từng đề cụ thể

Sức khỏe

Lối sống lành mạnh và điều thay đổi tích cực

Describe a healthy lifestyle and a positive change.

Bạn có thể dùng các ý dưới đây để nói về lối sống lành mạnh và điều thay đổi tích cực ở một người:

* Giờ giấc sinh hoạt (regular life routine and biological clock)

- Trước đây I used to stay up till late night and oversleep in the morning.
- Hiện tại But now, I want to maintain a disciplined lifestyle, which is early to bed and early to rise.
- Lợi ích My energy can recover completely and I feel fresh all day.

* Cân bằng giữa làm việc và nghỉ ngơi (a balance between work and rest)

- Trước đây I used to be sedentary, sitting in front of a computer screen all day long and avoiding outdoor activities.
- Hiện tại But now, I need to breathe more fresh air and stretch out my body by doing some exercise, such as jogging, cycling, or just walking.
- Lợi ích It is a great opportunity to get in touch with nature and keep fit.

* Chế độ ăn uống (well-rounded dietary habits or eating patterns)

- Trước đây I used to be addicted to junk food, which is pretty oily and greasy.
- Hiện tại But now, I am thinking of changing my diet pattern, and I ought to have more vegetables/more home-made food/more organic foods.
- Lợi ích It is surely beneficial for my cardiovascular system and reduces stress.

* Hoạt động giao tiếp (interpersonal communication)

- Trước đây I used to be a nerd living in my own sphere and not blending in with other fellows.
- Hiện tại But now, I am longing to interact/mingle/share/get along with different types of people, enjoying company.
- Lợi ích I believe that I may enlarge my social circle and find a sense of belonging.

* Phản ứng trước những thói quen xấu (keeping away from bad habits)

- Trước đây I used to be addicted to such things as smoking, alcohol, and gambling.
- Hiện tại But now, I have stopped them and avoid the control of those bad habits.
- Lợi ích I am now physically and mentally fit.

Từ vựng liên quan

regular exercise *tập thể dục đều đặn*
 organic food *thực phẩm hữu cơ*
 second-hand cooking oil *dầu ăn đã dùng*
 well-balanced and well-rounded *cân bằng*
 và toàn diện
 aerobics *thể dục nhịp điệu*
 brain worker *người lao động trí óc*

binge drinking *chè chén, nhậu*
 monosodium glutamate *mì chính (bột ngọt)*
 sedentary lifestyle *lối sống thiếu hoạt động*
 fitness centre/gym *trung tâm / phòng tập thể*
 đục
 overweight *thừa cân*

Hoạt động ngoài trời yêu thích

Describe your favourite outdoor activity.

Từ vựng liên quan đến hoạt động ngoài trời

backpacker tour *du lịch bụi*
 hiking *đi bộ đường trường*
 cycling *đạp xe*
 dog walking *dắt chó đi dạo*
 sandbagging *đánh bao cát*
 fishing *câu cá*
 martial arts *võ thuật*
 self-driving tour *du lịch tự lái xe*
 climbing mountains *leo núi*
 playing hula hoop *choi thay vòng*

skateboarding *truột ván*
 orienteering *chạy định hướng*
 surfing *lướt sóng*
 jogging *chạy bộ*
 camping *cắm trại*
 walking *đi bộ*
 rafting *chèo thuyền vượt thác*
 BMX (bicycle motocross) *đua xe đạp địa hình*
 doing Tai Chi *tập thái cực quyền*

Lợi ích của các hoạt động ngoài trời

- keep fit and relieve stress *duy trì sức khỏe và giải tỏa căng thẳng*
- provide us a great opportunity to escape from daily life routines and crowds *cho chúng ta cơ hội thoát khỏi sinh hoạt thường nhật và đám đông*
- provide exercise and fresh air *đem đến không khí trong lành và sự vận động*
- get a sense of freedom by returning to nature *có cảm giác tự do vì được trở về với thiên nhiên*
- Some outdoor activities, like mountain climbing, orienteering, and rafting, call for co-operation and co-ordination among team members. Friendship and team spirit can be cultivated through reaching a common goal regardless of age and occupation. *Một số hoạt động ngoài trời như leo núi, chạy định hướng và chèo thuyền vượt thác đòi hỏi sự*

hợp tác và phối hợp giữa các thành viên trong đội. Tình bạn và tinh thần đồng đội được vun đắp qua việc vươn tới một mục tiêu chung mà không phân biệt tuổi tác và nghề nghiệp.

- Exploring the unknown and wilderness through some outdoor activities, such as a backpacker tour, mountain climbing, or a self-driving tour, brings about challenges, freshness, and stimulation. Khám phá những nơi chưa ai biết đến và những vùng hoang sơ thông qua một số hoạt động ngoài trời chẳng hạn du lịch bụi, leo núi hoặc du lịch tự lái xe mang lại những thách thức, sự mới mẻ và hứng thú.
- Through outdoor activities, we can overcome our inner fears and gain confidence and self-belief. Thông qua các hoạt động ngoài trời, chúng ta có thể vượt qua những lo sợ thầm kín và luôn tự tin.

Bạn có thể chọn lọc và sử dụng một cách phù hợp các ý trên khi trả lời các đề sau:

- Describe an outdoor activity.
- Describe something you can do to protect the environment.
- Describe what you would do if you had one day off.
- Describe a sport you like to watch.
- Describe your favourite transport/a vehicle you want to buy.

Lợi ích của việc đạp xe

- a perfect way of getting exercise một cách tuyệt vời để được vận động
- eco-friendly, responding to the call of living a low carbon and emission lifestyle thân thiện với môi trường, đáp lại lời kêu gọi sống ít carbon và khí thải
- appreciating the view better thưởng ngoạn nhiều hơn
- helping reduce traffic congestion góp phần giảm ùn tắc giao thông

Bảo vệ môi trường

Hành động bảo vệ môi trường

Describe something you can do to protect our environment.

Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của chính phủ mà còn là trách nhiệm của mỗi công dân. Dưới đây là một số hành động chúng ta có thể thực hiện để góp phần bảo vệ môi trường:

- turning off unnecessary light whenever possible tắt nguồn sáng không cần thiết bất cứ khi nào có thể
- avoiding disposable utensils to prevent plastics pollution, including chopsticks and take-away boxes tránh sử dụng các vật dụng dùng một lần, bao gồm đũa và hộp chứa thức ăn mang về, để ngăn chặn ô nhiễm chất dẻo
- using fabric shopping bags instead of plastic bags sử dụng túi mua hàng bằng vải thay túi nilông
- using public transport as much as possible sử dụng phương tiện giao thông công cộng càng nhiều càng tốt
- using the stairs instead of the lift dùng thang bộ thay thang máy
- rubbish separation and recycling phân loại rác và tái chế
- carpooling đi chung xe
- raising people's awareness of preserving water and forest resources nâng cao ý thức của người dân về việc bảo vệ tài nguyên nước và rừng
- rejecting the consumption of bottled water and chewing gum từ chối tiêu thụ nước uống đóng chai và kẹo cao su

Một loại tiếng ồn

Describe a kind of noise.

You should say: where the noise comes from
 how you feel about the noise
 how you deal with it
 and explain why you want to talk about it.

Chúng ta có thể ngăn chặn tiếng ồn hoặc giải quyết vấn đề tiếng ồn bằng những cách sau:

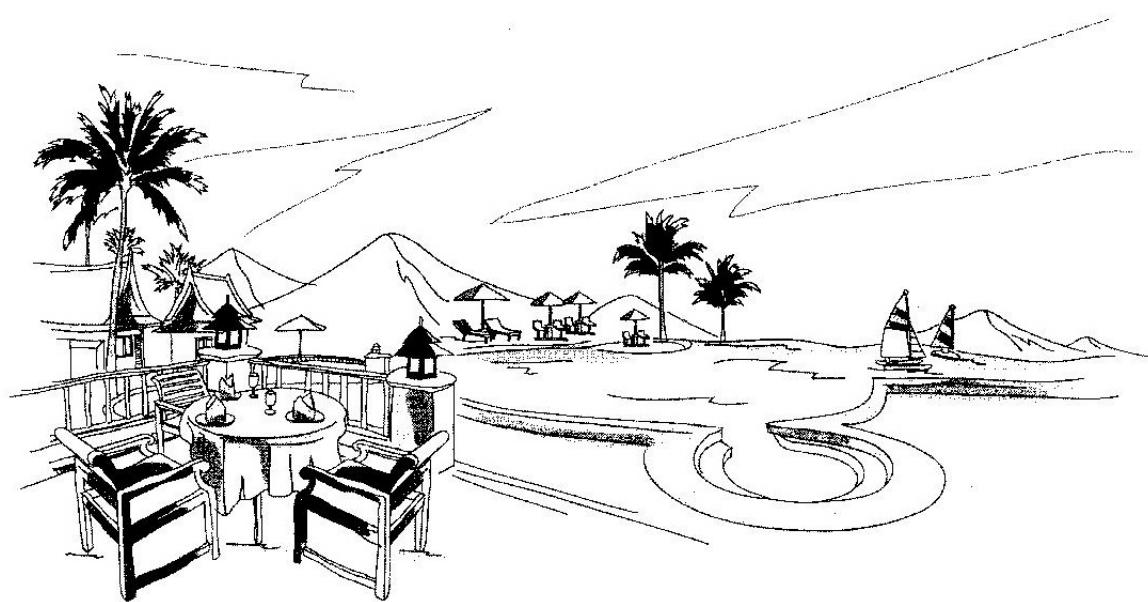
- complaining to the person who made the noise than phiền với người gây tiếng ồn
- making a complaint or calling a newspaper hotline than phiền hoặc gọi vào đường dây nóng của báo chí
- installing double-paned/double-glazed windows lắp đặt cửa sổ 2 lớp kính

- wearing noise-proof earplugs *mang cái bít tai chống tiếng ồn*
- staying away from noisy neighbourhoods whenever possible *tránh xa các khu phố ồn ào bất cứ khi nào có thể*

Tác hại của tiếng ồn

Noise poses a great threat to our lives.

- Noise can impair hearing. *Tiếng ồn có thể làm giảm thính lực.*
- Noise affects people's sleep, especially late at night. *Tiếng ồn ảnh hưởng đến giấc ngủ con người, nhất là vào đêm khuya.*
- People might get furious because of the noise. *Người ta có thể nổi giận vì tiếng ồn.*
- People's well-being may little by little be undermined and psychological problems may occur. *Sức khỏe của con người giảm sút dần và các vấn đề về tâm lý có thể phát sinh.*
- Noise may upset the whole neighbourhood. *Tiếng ồn có thể gây khó chịu cho cả khu phố.*



Phần 3

Câu hỏi về sự phổ biến

Các câu hỏi điển hình

What is the most popular way of keeping healthy in your country?

What are the common noises where you live?

What is the most popular way of relaxing in your country?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo 2 bước: “phân chia” và “tổng hợp” (chia chủ thể thực hiện hành động liên quan đến sự vật, sự việc... được nêu trong câu hỏi thành 2 nhóm, trình bày loại/những sự vật, sự việc... mà mỗi nhóm yêu thích và loại/những sự vật, sự việc... được cả 2 nhóm yêu thích).

Well, it depends.

For ..., I consider/think ... is quite popular for them, such as ..., simply because ...

Yet, for ..., I guess they might fancy/have a fancy for ..., including ... That's because ...

For both, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What is the most popular way of keeping healthy in your country?

Well, it depends on different age groups.

Young people fancy keeping fit in more energetic ways, like playing sport and taking part in all sorts of social events.

Yet, the elderly/older people may choose from a wide range of selections to keep healthy, like having a more well-rounded diet or recipe or focusing more on health care products, like fish oil or vitamin pills.

Câu hỏi về sự thay đổi

Các câu hỏi điển hình

How has people's way of exercising changed in your country?

How has people's way of keeping healthy changed?

Cách trả lời

Nêu sự khác biệt ở sự vật, sự việc, cách thức thực hiện hành động... giữa thời điểm quá khứ và trong hiện tại.

Generally speaking, people used to ... in a traditional and conventional way, such as ...

But now, an increasing number of people, especially young people, tend to ... in a more diversified way, including ..., simply because our way of life has deeply been transformed by the Internet and technology.

Câu hỏi và trả lời gợi ý

How has people's way of exercising changed?

Well, people used to exercise in traditional ways, like taking outdoor activities or doing a physical job.

Yet, now, people have a wider range of selections, such as bodybuilding at a gym or fitness centre; besides, some ways of exercising are becoming popular among urban people, including yoga, salsa, Pilates.

Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm

Các câu hỏi điển hình

Do you think that today's people get enough exercises?

Should public sports facilities be free of charge?

How can children be encouraged to adopt healthy habits?

**How could the government promote a healthy lifestyle ?
What's the source of city noise?****Cách trả lời**

Trả lời câu hỏi theo trình tự: giới thiệu khái quát và liệt kê.

- ❖ In terms of ..., I think that ...
- ❖ When it comes to ..., I just think that ...
- ❖ I feel/find that ...
- ❖ Regarding ..., my point is that ...
- ❖ Personally, I believe that ...

Sau khi nêu quan điểm ở câu giới thiệu khái quát, bạn phải đưa ra ít nhất 2 thông tin để làm rõ quan điểm đó. Bạn có thể dùng các từ firstly, besides, cụm từ more importantly/most importantly để mở đầu câu khi trình bày những thông tin này.

Câu hỏi và trả lời gợi ý**How could the government promote a healthy lifestyle?**

Well, from my perspective, I believe that the government can do lots of things to encourage the public to live a healthier life.

Firstly, they should instil the concept and idea of a healthy lifestyle in a number of ways, such as making TV programmes to teach healthier eating and show the importance of doing physical exercise.

Besides, the government also needs to establish well-equipped sports facilities for the public, including basketball courts, stadiums, gymnasiums, parks, and some other leisure facilities.

At the same time, these facilities need to be affordable to encourage more people to take advantage of them.

More importantly, they should also put in more restrictions on the consumption of tobacco and alcohol or prohibit advertising campaigns for those products.

7. Housing and Places

Phần 2

Đề bài

Các đề tài chính

- ① Nơi ở lý tưởng: Describe your ideal house.
- ② Công viên/khu vườn đẹp: Describe a beautiful park/garden.
- ③ Công trình kiến trúc lịch sử: Describe a historical building. (có thể kết hợp với chủ đề du lịch)
- ④ Công trình kiến trúc hiện đại: Describe a modern building.

Các đề tài mở rộng

- ① Căn phòng yêu thích: Describe your favourite room.
- ② Nơi ở lúc nhỏ: Describe the place where you lived during your childhood.
- ③ Một nơi yên tĩnh: Describe a peaceful place.
- ④ Một nơi gần sông nước: Describe a place near a lot of water.
- ⑤ Một thứ đắt tiền bạn muốn mua (ví dụ: ngôi nhà/căn hộ): Describe something expensive you want to buy if you have money.
- ⑥ Một nơi ở ngoài trời để thư giãn: Describe an open-air place where you can relax yourself.
- ⑦ Trung tâm giải trí: Describe a leisure centre.
- ⑧ Một nơi mở cửa cho mọi người: Describe a place open to the public.
- ⑨ Một nơi thường đến: Describe a place where you have often visited.
- ⑩ Một khu phố: Describe a street.

Hướng dẫn trả lời từng đề cụ thể

Lưu ý

Đề bài về chủ đề nhà ở và nơi chốn chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- housing (căn nhà hoặc một căn phòng trong nhà)
- park/garden (công viên / khu vườn)
- building (công trình kiến trúc)

Nhà ở

Nhà ở lý tưởng

Describe your ideal house.

**You should say: what it is and where it is
what kinds of room it has
what surroundings look like
and explain why this house is ideal.**

Đề này đòi hỏi thí sinh phát huy tối đa trí tưởng tượng. Bạn cần chuẩn bị các ý về ngôi nhà lý tưởng của mình, chẳng hạn địa điểm và đặc điểm của nó. Bạn có thể chọn một trong số những địa điểm sau:

city centre *trung tâm thành phố*

pasture land *đồng cỏ*

farm *nông trường*

halfway up a hill *lưng chừng đồi*

multicultural area *khu vực đa văn hóa*

resort *khu nghỉ dưỡng*

seaside *bờ biển*

Ngôi nhà lý tưởng của bạn có thể tọa lạc ở những nơi có đặc điểm sau:

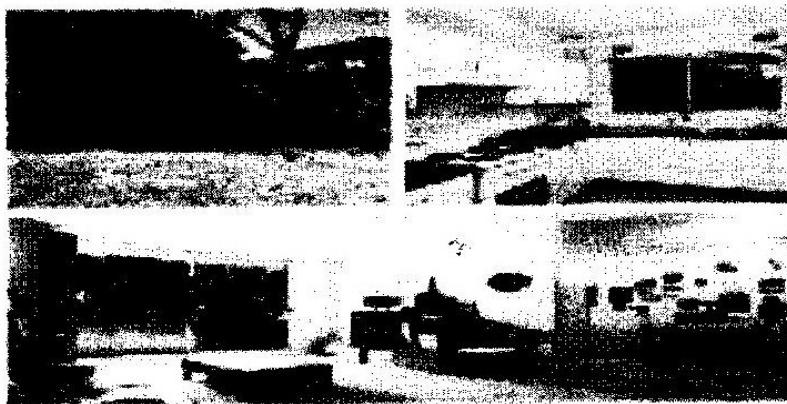
remote/distant *xa xôi*

vibrant/dynamic *náo nhiệt*

convenient/handy *thuận tiện*

serene/tranquil *yên tĩnh*

Hãy xem mẫu quảng cáo về một căn hộ:



Poised to offer a lifestyle of absolute convenience, this two-bedroom apartment presents an ideal opportunity for market newcomers or investors to secure a superbly central, sought-after address promising rapid, direct access to downtown area. Set on the ground floor of a security block, surrounded by vibrant landscaped gardens, the apartment offer exceptional scope to update and personalise its comfortable, original interior to taste.

Từ mẫu quảng cáo trên, bạn có thể học thêm một số từ và cụm từ để mô tả căn nhà:

poised to offer ...	để sẵn sàng cung cấp...
market newcomers or investors	những người mới vào thị trường hoặc các nhà đầu tư
a superbly central, sought-after address	một địa chỉ ở ngay trung tâm, được nhiều người săn tìm
ground floor	tầng trệt
surrounded by ...	được bao quanh bởi...
exceptional scope	không gian/phạm vi đặc biệt
update and personalise	nâng cấp và sửa chữa theo nhu cầu cá nhân
interior	phần bên trong

Dưới đây là một số cụm từ nói về ưu điểm của một căn nhà:

- * lounge enclosed by floor-to-ceiling glass
- * spacious balcony looking out a garden
- * leafy garden views from most rooms
- * eat-in kitchen with modern appliances
- * original bathrooms with baths and showers
- * double/king-size bedrooms
- * internal laundry, linen cupboard
- * steps to bus stations, shops, and cafes

Qua phần này, bạn có thể học thêm một số cụm từ sau:

lounge enclosed by ...	phòng khách được bao bọc bởi...
floor-to-ceiling glass	kính từ sàn lên đến trần nhà
leafy garden views	quang cảnh khu vườn rậm lá
eat-in kitchen	nha bếp kiêm phòng ăn
modern appliances	các thiết bị hiện đại
linen cupboard	tủ để khăn trải giường và khăn tắm
steps to ...	gần/chỉ vài bước đến...

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu	Well, the ideal house I'd like to tell you about is a villa, and I am always dreaming of living in a peaceful place near the sea, where I can breathe fresh air and enjoy an ocean view every day. To be more specific, the location I have in mind is Bondi Beach, which is one of the most famous beaches in Sydney. It is a convenient distance from every kind of public facilities, such as the hospitals, schools, shopping malls, and transport.
Cách bố trí không gian trong nhà	Basically, apart from the bedroom and living room, I want the interior laid out according to different functions. For entertainment, I dream of a video game room and a home theatre; for study, there should be a small library for reading. Most importantly, it would be ideal if there were an ocean view balcony.
Cảnh vật xung quanh nhà	Just as I mentioned, I fancy a tranquil exterior environment, so when I look out of my house, I can feel happy enjoying the garden with some features, such as a pond and several vegetable plots.
Các lý do	I want to live in such a place for a few reasons.
Lý do 1	Firstly, I feel that such a place is my lifelong dream.
Thông tin khách quan	I have always had a vision that one day I may move away from the noisy city, living in a tranquil and serene community, and it would be much better if I could have a great ocean view or garden view from my window in the morning.
Thông tin chủ quan	I believe that will put me in a good mood.
Lý do 2	Besides, I think I will live a self-sufficient lifestyle.
Thông tin khách quan	By this, I mean I myself can grow vegetables and fruits. As you know, food safety has been an increasingly serious issue these days. Most of us have been suffering from various sorts of poisonous foods.

Thông tin chủ quan	This might be not only fun but secure as well.
Lý do 3	Most importantly, I have always believed that such a place will be my heaven.
Thông tin khách quan	I wish I could own an entertainment room and a basketball court as I'm into video games and sports. Alternatively, in my spare time, I could have a barbecue party in the yard.
Thông tin chủ quan	So, I may spoil myself and share great times with my friends and family members since it will be spacious enough to accommodate all of them.
Kết luận	In summary, those are what I dream of my ideal house.

Nơi chốn

Công viên/khu vườn đẹp

Describe a beautiful park/garden.

**You should say: where it is
what it looks like
what people do in this place
and explain why you like this place.**

Cảnh vật trong công viên/khu vườn

blossom	hoa	rockery	hòn non bộ
fountain	đài phun nước	shrub	bụi rậm
bench	băng ghế	pavilion	nhà hóng mát
path	lối đi	stream	dòng suối
pond	ao	swing	xích đu

Các hoạt động trong công viên

exercising	tập thể dục	dog walking	dắt chó đi dạo
jogging	chạy bộ	fishing	câu cá
flying a kite	thả diều	morning reading	đọc (sách, báo) vào buổi sáng
playing hide-and-seek	choi trốn tìm	taking a nap	chộp mắt buổi trưa
having a picnic	dã ngoại	cycling	đạp xe

Dưới đây là bảng thông báo được đặt trong Vườn bách thảo – khu vườn cạnh nhà Sò ở Sydney.



Từ bảng thông báo này, bạn có thể học các cụm từ smell the roses, hug the trees, talk to the birds, picnic on the lawns cùng một số từ, cụm từ sau:

botanical garden *vườn bách thảo*
 domain *lãnh thổ*
 preserve *bảo tồn*

Palm Grove Centre *Trung tâm Rừng cọ*
 sponsor *nhà tài trợ*
 benefactor *nhà hảo tâm*

Như vậy, bạn đã tích lũy đủ vốn từ để trả lời 3 câu hỏi đầu trong thẻ đề bài. Với câu hỏi cuối cùng, bạn có thể trả lời theo các bước sau:

Lý do: I like this place because in my daily life,

⇒ I get used to a sedentary lifestyle. Specifically, ...

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ sitting in front of a computer all day long ✓ living indoors all day long ✓ being stuck in an office or a classroom all the time ✓ seldom interacting with peers | <i>ngồi trước máy tính cả ngày</i>
<i>ở trong nhà cả ngày</i>
<i>ở mãi trong văn phòng hoặc lớp học</i>
<i>hiếm khi giao tiếp với bạn bè</i> |
|---|---|

⇒ To improve the situation, I need (to) ...

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ fresh air ✓ be close to nature ✓ an opportunity to appreciate the beauty surrounding me ✓ escape from daily life routines/city crowds | <i>không khí trong lành</i>
<i>gần gũi với thiên nhiên</i>
<i>một dịp để thưởng thức cái đẹp xung quanh tôi</i>
<i>thoát khỏi sinh hoạt thường nhật / đám đông ở thành thị</i> |
|--|---|

⇒ Accordingly, I'd better ...

- ✓ get/walk around
- ✓ stretch out
- ✓ go for a walk
- ✓ interact with friends and family
- ✓ get some exercise

đi lại/đi loanh quanh
duỗi thẳng người
đi tản bộ
tiếp xúc với bạn bè và gia đình
vận động chút ít

⇒ Then, I may (get) ...

- ✓ relaxation
- ✓ inner peace
- ✓ keep fit and be in good shape
- ✓ be inspired and in a good mood
- ✓ be revitalised
- ✓ sharing moments with loved ones

nghỉ ngơi
sự bình an trong tâm hồn
khỏe mạnh và có dáng người cân đối
thấy hứng thú và có tâm trạng vui vẻ
được phục hồi sức khỏe
có những giây phút cùng sẻ chia với những người
thân yêu

Bạn cũng có thể dùng những ý trên khi nói về chủ đề du lịch và sức khỏe.

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the beautiful garden I want to share with you is the one in my community, which is only a five-minute walk from where I live.

Cảnh vật In the garden, well, during spring and summer, everybody can see a lot of beautiful flowers, such as peonies, cherry blossoms, daisies, and a lot of other flowers. Besides, it is enclosed by all sorts of trees and shrubs; in the middle of the garden, there is a wooden bridge with a stream flowing beneath it. Yet, in autumn and winter, it has nothing but bare-branched trees.

Các hoạt động của con người The garden is really essential for local residents' activities. People do lots of activities here, such as doing Tai Chi, walking their dog, playing games, or reading books.

Các lý do I like this garden for a number of reasons.

Lý do 1 Firstly, this place is very peaceful and refreshing.

Thông tin khách quan The aroma and fragrance of the flowers provide me with tremendous freshness and purity.

Thông tin chủ quan Every morning, when I am walking through it, it puts me into a good mood for a new day.

- Lý do 2 Besides, I also feel inspired in such a place.
- Thông tin khách quan This place is like an oasis in the middle of the city. You know, most city dwellers get used to a sedentary lifestyle. They, therefore, need some fresh air by going outdoors.
- Thông tin chủ quan Personally, whenever I feel tired out from studies or life, I like to get around and be inspired by nature, which is also a good way of relaxing.
- Lý do 3 More importantly, it really meets the demand of the public.
- Thông tin khách quan Local residents, especially kids and senior citizens, need a place and room for sharing and interacting, and this garden is the perfect place.
- Thông tin chủ quan I always feel excited when coming to this garden, and being close to nature is really essential for me.
- Kết luận In short, those are the reasons why I find this garden very impressive.

Công trình kiến trúc lịch sử

Describe a historical building.

You should say: **what it is and where it is
when it was built
what kind of building it is
and explain why you like to talk about it.**

Một số loại công trình kiến trúc cổ

temple *đền*

bell tower *tháp chuông*

pagoda/church attic *gác mái chùa/nhà thờ*

monastery *tu viện*

cathedral *thánh đường*

royal pavilion *nhà hóng mát hoàng gia*

palace *cung điện*

pagoda *chùa*

Một số công trình kiến trúc cổ ở Việt Nam

Temple of Literature *Văn Miếu (Hà Nội)*

One Pillar Pagoda *chùa Một Cột (Hà Nội)*

Perfume Pagoda *chùa Hương (Hà Nội)*

Thien Mu Pagoda *chùa Thiên Mụ (Huế)*

Saigon Central Post Office *Bưu điện Trung*

tâm Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh)

Japanese Bridge *cầu Chùa (Hội An)*

Ho Chi Minh City Hall *Trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*

Saigon Opera House *Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh*

Notre-Dame Cathedral *Nhà thờ Đức Bà (thành phố Hồ Chí Minh)*

Kết cấu của các công trình kiến trúc cổ

structure	<i>kết cấu</i>	memorial archway	<i>cổng vòm tưởng niệm</i>
ornamental column/pillar	<i>cột trang trí</i>	brick and tile structure	<i>kết cấu bằng gạch và ngói</i>
stone guardian lion	<i>sư tử đá</i>	courtyard	<i>sân trong</i>
wooden structure	<i>kết cấu bằng gỗ</i>	rooftop	<i>nóc nhà</i>
layout	<i>dạng thức</i>	stone tablet	<i>bia đá</i>

Khi mô tả công trình kiến trúc lịch sử, bạn nên tập trung vào:

- historical background *bối cảnh lịch sử*
- main characteristics *những đặc điểm chính*
- reputation and fame *danh tiếng*

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the historical building I had a chance to visit is the Temple of Literature, which is one of the most famous old structures in Vietnam, and it is also the must-see travel destination for almost all visitors who arrive in Hanoi, the capital of Vietnam.

Thời gian The temple was built in 1070 at the time of King Ly Thanh Tong. Then, it was reconstructed during the Tran dynasty (1225-1400) and in subsequent dynasties.

Đặc điểm The temple is located to the south of Thang Long Citadel. It was originally built as a university dedicated to Confucius, scholars, and sages. This building is extremely well preserved and is a superb example of traditional-style Vietnamese architecture. Despite wars and disasters, the ancient architectural styles of many dynasties as well as precious relics can easily be seen. It shows one of the most typical architectural styles in Vietnam, composed of wood and tiles. Along the paths are hundred-year-old trees that have witnessed ups and downs of history.

Các lý do I'd like to talk about the Temple of Literature for a few reasons.

Lý do 1 Firstly, the Temple of Literature is an amazing and magnificent building.

Thông tin khách quan It is one of several temples in Vietnam with "Quoc Tu Giam" or the Imperial Academy, which was built inside the temple. The stone statues and inscriptions dotted throughout the temple still retain many of their original features as the most renowned landmark of academia in Vietnam.

- Thông tin chủ quan I've been there once to visit and explore the Vietnam's first national university. Visiting the Temple of Literature, which has now become a memorial to education and literature, I have discovered historical buildings in a revered place that saw thousands of doctors graduate.
- Lý do 2 Besides, I also feel that the Temple of Literature is the symbol of Vietnamese culture.
- Thông tin khách quan Originally the university only accepted aristocrats, the elite, and royal family members as students before eventually opening its doors to brighter "commoners". Successful graduates had their names engraved on a stone stele which can be found on top of the stone turtles.
- Thông tin chủ quan That's why we're all proud of this ancient structure.
- Lý do 3 More importantly, I believe that the Temple of Literature is attractive for visitors from all over the world.
- Thông tin khách quan This historic site is ranked as one of Hanoi's most important cultural places and is steeped in Vietnamese history.
- Thông tin chủ quan And I'm convinced that if you ever go there, you'll definitely be impressed and amazed.
- Kết luận In summary, those are the reasons why when it comes to old buildings, the Temple of Literature is the first one that comes up into my mind.

Công trình kiến trúc hiện đại

Describe a modern building.

You should say: what it is and where it is
what kind of building it is
what it looks like
and explain why you want to talk about it.

Từ vựng liên quan đến công trình kiến trúc hiện đại

gymnasium *phòng tập thể dục*

exhibition centre *trung tâm triển lãm*

art gallery *phòng tranh*

observation/viewing deck *đài quan sát*

stadium *sân vận động*

commercial complex *khu phức hợp thương mại*

mansion *biệt thự*

memorial hall *phòng lưu niệm*

skyscraper *tòa nhà chọc trời*

central business district *khu thương mại trung*

museum *viện bảo tàng*

tâm

Khi mô tả công trình kiến trúc hiện đại, bạn nên tập trung vào:

- exterior appearance *hình dáng bên ngoài*
- interior design *thiết kế bên trong*
- function and purpose *chức năng và mục đích*

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the modern building I once came to visit is the Bird's Nest. It's located in Beijing, and it used to be the host stadium for the 2008 Beijing Olympic Games.

Chức năng Its purpose, apart from hosting the opening ceremony, was to hold all the track-and-field sports events. Currently, several years after the Olympic Games, the Bird's Nest is often used for holding concerts or football matches.

Về bên ngoài Basically, it looks like a bird's nest from a distance, but when you approach it, you see it is made of steel and concrete. As the Olympic stadium, it has a capacity of more than 90,000 people.

Các lý do I'd like to talk about it for a few reasons.

Lý do 1 Firstly, the design is pretty meaningful.

Thông tin khách quan The initial design of a bird's nest stands for a cradle, which is the vehicle for creating new hope. And now, it is the symbol of Beijing since its image has deeply been rooted in people's minds.

Thông tin chủ quan I like it because it is full of inspiration and creativity, and it has won awards as one of the most impressive buildings in the world.

Lý do 2 Besides, I also feel that it is the symbol of China.

Thông tin khách quan As it was the first time the Olympic Games ever held in China, the year 2008 greatly inspired and encouraged the Chinese and the Bird's Nest is more like a representative than just a building.

Thông tin chủ quan Even today, this building still reminds the Chinese people of this great sports event.

- Lý do 3 More importantly, I feel the Bird's Nest is a great leisure centre for the public.
- Thông tin khách quan After the Olympic Games, it was converted into a leisure and sports complex; people can listen to a concert or watch a football game there. Besides, many kinds of leisure events are being held quite often as well. Last winter, tourists had a chance to enjoy the "happy ice and snow season", which was a snow carnival with all sorts of winter games and festivities.
- Thông tin chủ quan The building itself has been given different roles at different times, which is a great way to appreciate the different aspects of a building.
- Kết luận All in all, those are the reasons why I want to talk about the Bird's Nest.

Tổng kết

Bạn vừa làm quen với 4 đề tài chính thuộc chủ đề nhà ở và nơi chốn. Qua những gợi ý vừa học, bạn cũng cần chuẩn bị ý cho các đề tài mở rộng như a place near a lot of water, a leisure centre, a peaceful place, an open-air place, your favourite room, a street hoặc các đề tài khác liên quan (a place to listen to music, a place where you can learn history). Về cơ bản, bạn có thể sử dụng những ý đó khi nói về các đề tài này.



Phần 3

Câu hỏi yêu cầu đưa ra lựa chọn

Các câu hỏi điển hình

**Do you prefer living in a big city or in the countryside?
Do you prefer relaxing at home or outside?**

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: đưa ra quan điểm, nêu lý do, nêu ví dụ, nêu giả định, đề cập mặt đối lập của vấn đề, kết luận.

Đưa ra quan điểm: Personally, I think ...

Nêu lý do: simply because ...

Nêu ví dụ: For example, ...

Nêu giả định: Without ...

Đề cập mặt đối lập: On the other hand, ...

Kết luận: In short/All in all/In summary/To conclude/To sum up/In a word, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Do you prefer relaxing at home or outside?

Đưa ra
quan điểm

Well, personally, I prefer relaxing outside

Nêu lý do

simply because I have a desire to wind down by being involved with others through activities like playing sport, going shopping, or travelling.

Nêu ví dụ

For example, I am a big fan of swimming, and it is impossible for me to relax at home.

Nêu giả định

If I try to relax at home, the only entertainment for me is to surf the Internet or watch TV programmes. Actually, I am already bored with being a couch potato.

Đề cập mặt
đối lập

Yet, I do agree that having a sound sleep at home is indeed an efficient way of relaxation.

Kết luận

All in all, I prefer the latter to the first one.

Câu hỏi về sự thay đổi

Các câu hỏi điển hình

How has people's way of relaxing changed recently?

How have people's living conditions changed recently?

Cách trả lời

Nếu sự khác biệt ở sự vật, sự việc, cách thức thực hiện hành động... giữa thời điểm quá khứ và trong hiện tại.

Generally speaking, people used to ... in a traditional and conventional way, such as ...

But now, an increasing number of people, especially young people, tend to ... in a more diversified way, including ..., simply because our way of life has deeply been transformed by the Internet and technology.

Câu hỏi và trả lời gợi ý

How has people's way of relaxing changed recently?

Well, in the past, people used to relax in a traditional way, such as playing chess, watching TV, reading newspapers, or doing sport.

But now, an increasing number of people, especially young people, tend to rely on the Internet, for example playing computer games, surfing the Internet, or catching up with friends.

Besides, today's people have a wider range of selections for their amusement, like travelling to different countries, going to the beach and staying at modern resorts, or doing some other similarly trendy activities.

Câu hỏi về sự phổ biến

Các câu hỏi điển hình

What is the most popular way of relaxation in your country?

What is the most popular outdoor activity in your country?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo 2 bước: “phân chia” và “tổng hợp” (chia chủ thể thực hiện hành động liên quan đến sự vật, sự việc... được nêu trong câu hỏi thành 2 nhóm, trình bày loại/những sự vật, sự việc... mà mỗi nhóm yêu thích và loại/những sự vật, sự việc... được cả 2 nhóm yêu thích).

Well, it depends.

For ..., I consider/think ... is quite popular for them, such as ..., simply because ...

Yet, for ..., I guess they might fancy/have a fancy for ..., including ... That's because ...

For both, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What is the most popular outdoor activity in your country?

Well, it depends.

I think men prefer something more energetic, such as playing basketball, football, extreme sports, and similar activities.

Yet, women might fancy relaxing activities, including playing badminton, walking, or jogging.

Generally, swimming and picnicking are popular outdoor activities for both men and women in my country.

Câu hỏi về sự khác biệt

Các câu hỏi điển hình

What are the different ways of relaxing between young people and the elderly/men and women?

What are the differences between Vietnamese architecture and foreign architecture?

What are the differences between historical buildings and modern buildings?

What are the differences between indoor activities and outdoor activities?

Cách trả lời

Tìm những điểm khác biệt giữa A và B rồi trình bày theo các mẫu câu sau:

Compared with A, B tends to ...

Unlike A, B is more/less likely to ...

A is ..., while B is more/less likely to ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What are the differences between historical buildings and modern buildings?

Unlike historical buildings, modern buildings tend to be more practical since people need to live and work in well-equipped and well-furnished modern buildings, like residential halls or office buildings.

Compared with modern buildings, historical buildings like temples and ancient palaces have more value in regard to culture and tradition.

More than that, historical buildings are more likely to be traditionally designed and built with more decoration, while modern buildings tend to be plainer and more westernised, for example, skyscrapers, commercial complexes, art galleries, and so on.

Khi so sánh công trình kiến trúc lịch sử và công trình kiến trúc hiện đại, bạn lưu ý đến các mặt sau:

- exterior appearance *hình dáng bên ngoài*
- inside function *chức năng bên trong*
- value *giá trị*
- history *lịch sử*
- purpose *mục đích*

Câu hỏi về ưu khuyết điểm

Các câu hỏi điển hình

What are the pros and cons of old building?

What are the pros and cons of living in a big city?

Cách trả lời

Nêu ưu điểm: Well, ... is beneficial in many/a variety of ways.

Firstly, ...

Besides, ...

More importantly/Most importantly, ...

Nêu khuyết điểm: Yet, when it comes to the drawbacks, I have to say that ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What are the pros and cons of old buildings?

Well, basically, old buildings are beneficial in some ways, such as preserving culture and tradition.

Besides, it is also advantageous in disseminating knowledge since an old building is a faithful monument for preserving what transpired in the past.

Yet, I have to say old buildings can't be efficiently utilised since today's people focus more on living and working. Sometimes what they need cannot be provided by old buildings.

Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm

Các câu hỏi điển hình

Should the government and media encourage old people to get involved in outdoor activities?

Should people partake in outdoor activities?

Should public leisure centres be free of charge?

Why don't some people like doing outdoor activities?

What kinds of factors will people consider when they choose housing?

Cách trả lời (1)

Trả lời câu hỏi theo 2 trường hợp. Ở mỗi trường hợp, hãy nêu điều kiện và kết quả/ cách giải quyết vấn đề tương ứng.

Well, it depends.

For ...

Yet, for ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Should public leisure centres be free of charge?

No, I don't think that they should be free of charge simply because they need a funding source for management and maintenance. Besides, money is also needed for updating equipment and facilities.

Yet, for certain groups of people, it is unreasonable to charge them, such as local residents and senior citizens since they are entitled to gain social benefits.

Các trung tâm giải trí công cộng cần thu phí để có nguồn quỹ thực hiện các công việc sau:

management and maintenance

quản lý và bảo trì

buying equipment and facilities

mua sắm thiết bị và các tiện ích

paying employees

trả lương cho nhân viên

covering miscellaneous expenses

trang trải những chi phí linh tinh

Tuy nhiên, các trung tâm này nên miễn phí cho những nhóm người như:

taxpayers	người đóng thuế
local residents	người dân địa phương
senior citizens and kids	người già và trẻ em

Cách trả lời (2)

Trả lời câu hỏi theo trình tự: giới thiệu khái quát và liệt kê.

Giới thiệu khái quát: Well, people often ... for a variety of ... (chuyển câu hỏi của giám khảo thành câu trần thuật và thêm từ/ cụm từ sau: many/loads of/heaps of/a variety of/a wide range of ...)

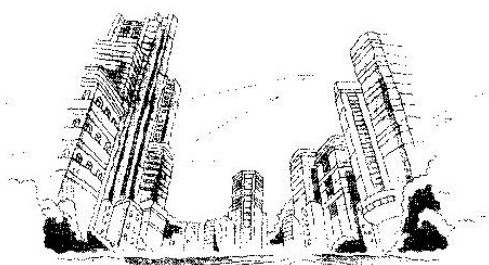
Liệt kê: such as/like/including ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What kinds of factors will people consider when they choose housing?

Well, basically, people will take a number of factors into account when they buy houses, such as ...

➤ location	địa điểm
➤ price	giá tiền
➤ house quality	chất lượng ngôi nhà
➤ property developer	người/công ty phát triển bất động sản
➤ room layout	cách bố trí phòng
➤ interior design	thiết kế bên trong
➤ neighbourhood landscape	cảnh quan khu phố
➤ property service management	quản lý dịch vụ bất động sản
➤ supporting facilities	các tiện ích hỗ trợ



8. Memories and Experiences

Phần 2

Đề bài

Các đề tài chính

- ① Trải nghiệm thú vị: Describe an exciting experience.
- ② Trang phục bạn đã mặc hoặc món trang sức bạn đã đeo vào một dịp đặc biệt: Describe a piece of clothes or jewellery you wore on a special occasion.
- ③ Sự kiện lịch sử: Describe a historical event.
- ④ Thời tiết xấu: Describe some bad weather you have experienced.
- ⑤ Lễ cưới: Describe a wedding.
- ⑥ Bức ảnh yêu thích: Describe your favourite photo.
- ⑦ Một dịp bạn được người khác chúc mừng: Describe an occasion when others celebrated for you.
- ⑧ Tình huống khiến bạn nổi giận: Describe an occasion when you got angry.
- ⑨ Món đồ đã mất: Describe something you lost.
- ⑩ Một dịp nghe nhạc nước ngoài: Describe an occasion when you listened to foreign music. (kết hợp với đề tài âm nhạc)
- ⑪ Một dịp bạn được người khác giúp đỡ: Describe an occasion when others helped you. (kết hợp với đề tài món đồ đã mất)
- ⑫ Đồ vật cũ bạn đã giữ gìn trong gia đình: Describe something old you kept in your family.
- ⑬ Cuộc nói chuyện qua điện thoại: Describe a conversation over the telephone.
- ⑭ Món quà được người khác tặng: Describe a gift from others.
- ⑮ Lá thư bạn đã nhận: Describe a letter you have received.
- ⑯ Thời điểm khó khăn nhất trong đời bạn: Describe the most difficult time in your life.
- ⑰ Hoạt động tập thể bạn đã tham gia: Describe a group activity you joined. (kết hợp với chủ đề du lịch / học tập)

- ⑯ Một môn thể thao hoặc trận đấu bạn từng tham gia: Describe a sport or match you took part in. (kết hợp với đề tài thể thao)
- ⑯ Chuyến du lịch bạn từng đi lúc nhỏ: Describe a journey you took in your childhood.
- ⑯ Quyển sách bạn thích đọc lúc nhỏ: Describe a book you liked to read in your childhood.
- ⑯ Nhân vật trong câu chuyện thời thơ ấu: Describe a character in a childhood story.
- ⑯ Đồ chơi yêu thích lúc nhỏ: Describe your favourite toy in your childhood.
- ⑯ Trò chơi yêu thích lúc nhỏ: Describe a game you liked to play in your childhood.
- ⑯ Chuyện vui thời thơ ấu: Describe a happy childhood event.

Các đề tài mở rộng

- ① Một việc đã khiến bạn cười: Describe something that made you laugh.
- ② Tình huống bạn cần lịch sự: Describe an occasion when you needed to be polite.
- ③ Sự kiện thể thao: Describe a sports event.
- ④ Chuyến du lịch với thời gian lâu hơn mong đợi: Describe a trip that was longer than your expectation.
- ⑤ Tình huống bạn đến muộn: Describe an occasion when you were late.
- ⑥ Một sự kiện trong gia đình: Describe a family event.
- ⑦ Một hoạt động thú vị bạn từng có trong gia đình: Describe an interesting activity you had in your family.
- ⑧ Lễ mừng sinh nhật đặc biệt: Describe a special birthday celebration.
- ⑨ Buổi yêu thích (sáng, trưa, chiều, tối): Describe your favourite time of day.
- ⑩ Sự giúp đỡ của người khác dành cho bạn: Describe support you received from others.
- ⑪ Một dịp bạn được thưởng tiền: Describe an occasion when you received money as a gift.
- ⑫ Lời khuyên từ người khác: Describe a piece of advice from others.
- ⑬ Nhóm hay câu lạc bộ bạn từng tham gia: Describe a club or group you joined.
- ⑭ Thời tiết yêu thích: Describe your favourite weather.

Hướng dẫn trả lời từng đề cụ thể

Những điều cần lưu ý

Có thể nói chủ đề hồi ức và trải nghiệm là chủ đề khó nhất trong số 8 chủ đề đã được trình bày vì giám khảo có thể đặt ra cho thí sinh rất nhiều câu hỏi liên quan mà thí sinh khó đoán trước. Tuy nhiên, nếu xét kỹ các đề thuộc chủ đề này, bạn sẽ thấy các câu hỏi của giám khảo chủ yếu tập trung vào 2 nội dung:

- what happened then *sự việc xảy ra lúc đó*
- how you felt then *tâm trạng của bạn lúc đó*

Để trình bày 2 nội dung trên, trước tiên bạn phải biết cách kể lại câu chuyện đã xảy ra và dùng thì quá khứ thật chính xác.

Dưới đây là một số từ/cụm từ then chốt thường được dùng khi kể chuyện:

At the very beginning *Lúc đầu*

And after that/Afterwards *Sau đó*

During/While ... *Trong lúc...*

At the same time/Simultaneously/Meanwhile *Cùng lúc đó*

Since then/Ever since ... *Kể từ đó...*

In the end/Eventually *Cuối cùng*

Các trải nghiệm

Là thư bạn đã nhận

Describe a letter you have received.

You should say: when that was
who wrote it
what the letter said
and explain why you want to talk about it.

Các loại thư

love letter *thư tình*

invitation letter *thư mời*

letter of complaint *thư khiếu nại*

business letter *thư thương mại*

offer letter *thư đề nghị*

congratulation letter *thư chúc mừng*

Đáp án tham khảo

- Câu mở đầu** Well, a letter I once received was the offer from the University of Manchester last month, which was very meaningful and exciting for me.
- Bối cảnh** At the very beginning, I had decided to study overseas; Manchester was my first choice simply because I am a die-hard fan of Manchester United, and I was dreaming of having a chance to watch a football game at Old Trafford, which is the home court of UM.
- Diễn biến** And then, I began the laborious preparation. I collected all the information they needed for my application, including my undergraduate transcript, three letters of recommendation, my personal statement, my study plan, and some other things. It took me a month to do that, and I realised that studying overseas was not as easy as I thought.
- Phản trọng tâm** Afterwards, one day on a weekend, I checked my e-mail on my mobile phone while I was watching a film, and the moment I got my conditional offer from UM, I couldn't help being excited. Meanwhile, I got a lot of details in this offer, for example schedules, tuition, and subjects.
- Kết thúc** Back then, I had a strong feeling that all my efforts had paid off. (Sau khi kể lại vài điều liên quan đến lá thư nhận được, bạn cần giải thích lý do mình muốn nói về lá thư này. Hãy tập trung mô tả diễn biến cảm xúc của bạn từ lúc nhận được thư (ví dụ: **excited** → **worried** → **motivated**)).
- Diễn biến cảm xúc** At the very beginning, I was really thrilled since I was on track to realise my dream. Yet, meanwhile, I was a little bit worried as the courses at UM might be demanding, so I would possibly work harder. Afterwards, I realised that only when I got an IELTS certificate with a score of 6.5 could I get my full offer, so there was still a long way to go. Eventually, I made up my mind that I wouldn't hold back no matter how difficult it would be. And I believe my dream will come true one day.
- Kết luận** All in all, those are the reasons why I want to talk about it.

Từ vựng mô tả cảm xúc

excited/surprised/thrilled/cheerful/
joyful *phản khơi/ngạc nhiên/hồi hộp/*
vui mừng/vui sướng
satisfied/blessed *thỏa mãn/sung sướng*
grateful/thankful/appreciative *biết ơn*

motivated/encouraged/inspired *phản khơi*
moved/touched/impressed *cảm động/xúc*
động/ấn tượng
compassionate/sympathetic *thương cảm/*
thông cảm

revitalised/refreshed *tươi tinh/hồi phục*
 frustrated *nản lòng*
 upset/mad/offended/furious *buồn bực/tức giận/bị xúc phạm/giận dữ*
 embarrassed/awkward *ngượng/lúng túng*
 speechless *nghẹn ngào*
 hopeless/desperate *tuyệt vọng*
 disappointed/low/downhearted *thất vọng/chán nản*
 blue/depressed *buồn phiền*
 stressful *căng thẳng*
 nervous/tense/strained/uptight *lo lắng/căng thẳng*

annoyed/disturbed *khó chịu/bực mình*
 grieved/sad/gloomy *đau lòng/buồn*
 fearful/scared/frightened *sợ hãi*
 ashamed *xấu hổ*
 regretful *hối tiếc*
 lonely *cô đơn*
 worried *lo lắng*
 confused/perplexed *bối rối/lúng túng*
 bothered *buồn bực*
 entangled *bối rối*

Cuộc trò chuyện qua điện thoại

Describe a conversation over the telephone.

You should say: when that happened
 who called
 what you said to each other
 and explain why this conversation left an impression on you.

Cuộc trò chuyện qua điện thoại có thể diễn ra trong các tình huống sau:

job interview *phỏng vấn tuyển dụng*
 discussion on a certain topic *cuộc thảo luận*
về một chủ đề nào đó

quarrel *cuộc tranh cãi*

Đáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the telephone conversation I want to tell you about is a telephone interview I had several months ago when I was talking with a guy called Mark, the representative from the University of Manchester.

Diễn biến I had an appointment for an interview at 5 p.m., which was 9 a.m. in the UK. Firstly, I gave a brief introduction of myself, then I stated my study plan and my

future career goals. After that, I was asked to give a personal statement, and towards the end, I asked him a lot of questions about Manchester, for example local life, local weather, facilities, my accommodation arrangements, and so on.

Kết thúc

Eventually, I was told that I was quite promising as one of their future students. I was so excited. It was the first time I had had an interview over the telephone, and it was unforgettable. (diễn biến cảm xúc: super nervous → relaxed → content → excited)

Diễn biến cảm xúc

At first, I felt extremely nervous since it was my first interview. Moreover, it was in English. As I was dying to have a chance to study in Manchester, I didn't want to fail. During the conversation, however, I found the interviewer called Mark was fairly nice and gentle. He was always encouraging me to keep talking and sharing; I felt pretty relaxed, and my previous nervousness soon disappeared. Afterwards, I felt that he was satisfied with my performance, and I was glad my preparation had paid off. Towards the end, when I was told I would move to the next stage, I was very excited.

Kết luận

In short, those are the reasons why it left a lasting impression on my mind.

Tổng kết

Trên thẻ đề bài luôn có 4 câu hỏi. Khi trả lời 3 câu hỏi đầu, bạn nên tập trung vào bối cảnh, diễn biến, phần trọng tâm và kết thúc của sự việc. Khi trả lời câu hỏi cuối cùng, bạn nên nói về diễn biến cảm xúc của mình.

Tình huống khiến bạn nổi giận

Describe an occasion when you got angry.

You should say: when that was
where that was
what happened then
and explain how you felt about that.

Người ta thường nổi giận vì những lý do sau:

- | | |
|--|--|
| ✓ be deceived | bị lừa gạt |
| ✓ be betrayed | bị phản bội |
| ✓ be misunderstood | bị hiểu nhầm |
| ✓ be annoyed by someone's misbehaviour | bực mình vì cách cư xử khiếm nhã của ai đó |
| ✓ be ignored/overlooked/neglected | bị phớt lờ/xem thường/thờ ơ |
| ✓ be out of patience | mất kiên nhẫn |

Bạn cần chuẩn bị một lý do thật chính đáng khiến bạn tức giận (chẳng hạn bị gạt mua hàng kém chất lượng, đang xếp hàng ở quầy thu ngân của siêu thị thì bị người khác chen ngang...) để không gặp khó khăn khi trả lời cho đề thi này.

Dáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the occasion when I was angry was several months ago when I was about to board a flight at the airport.

Bối cảnh I was waiting in the lounge to fly to Beijing. Before the departure time, we heard an announcement that our flight would be delayed due to the air control/snowstorm/lightening/dense fog.

Điễn biến We had been waiting for departure for several hours in the lounge.

Phản trọng tâm During the waiting period, the airline staff just told us that nobody could do anything about the air control, and with that excuse, our time had just been meaninglessly wasted.

Kết thúc Eventually, our flight took off eight hours behind schedule. That's my most unforgettable experience of getting angry.

(diễn biến cảm xúc: sympathetic → angry → frustrated and desperate)

Điễn biến cảm xúc At the beginning, I was sympathetic as flight delay was somewhat common, and we, all passengers, were quite co-operative. Yet, five hours later, we got angry simply because we were put aside without any concern on the part of the staff. At the very least, they should have taken care of us, like arranging accommodation, offering compensation, arranging an alternate flight, or providing some refreshments, but no one did. Many who were held up had important personal plans, such as working, signing a contract, or attending a meeting. We tried to communicate with the airline officers, but we were told

that there was nothing they could do. That made us feel so hopeless, and we were all totally pissed off by their neglect, sloppy management, slow reaction, indifference, and buck-passing. Then, we felt nothing but desperate, and eventually the flight took off, eight hours later than the set time.

Kết luận

That was all about the occasion when I really got angry.

Một dịp bạn được người khác chúc mừng

Describe an occasion when others celebrated for you.

You should say: when that was
what the celebration was for
what you did
and explain why you want to talk about it?

Bạn có thể được người khác chúc mừng trong những dịp như:

birthday sinh nhật

promotion thăng chức

winning a competition giành chiến thắng
trong một cuộc thi

graduation tốt nghiệp

wedding anniversary kỷ niệm ngày cưới

Dáp án tham khảo

Câu mở đầu Well, the celebration I want to share with you happened in my childhood when I was about 10 years old. My father celebrated my winning a painting competition.

Bối cảnh My father had sent me to a painting school to learn painting.

Diễn biến After being sent to a tutorial, I started to skip class because I found it was boring. But gradually, I learned to appreciate the beauty of it.

Phản trọng tâm A year later, I was even given an award in a drawing competition. My father was so happy that he decided to give me a surprise: a delicate portfolio with all my paintings in it.

Kết thúc To this day, I keep it as a treasure. Not only is it a record of a childhood memory, but it is also an encouragement for me to work hard.
(diễn biến cảm xúc: uninterested → interested → satisfied → impressed)

- Diễn biến cảm xúc At the very beginning, I wasn't interested in drawing at all, but my father was a big fan of painting, and he hoped that I could develop my talents in that. Then, I gradually realised that it was really amazing to create something so beautiful just with two colours, white and black. And I applied myself to painting. After winning the prize, even though it was just a small prize, I felt a sense of fulfilment. I was really impressed with my father's special gift and it gave me a lasting memory.
- Kết luận In summary, those are the reasons why I really appreciate that meaningful celebration.

Lễ cưới

Describe a wedding you attended.

**You should say: when you went to this wedding
who the new couple was
what people did at this wedding
and explain why you want to talk about this wedding.**

Từ vựng liên quan đến lễ cưới

bridegroom / groom	chú rể	exchange rings	trao nhẫn
bridesmaid	phù dâu	honeymoon	tuần trăng mật
wedding dress / gown	đầm cưới	best man	phù rể
live band	ban nhạc sống	wedding march	nghi thức tiến hành hôn lễ
bride	cô dâu	feast	bữa tiệc
vow	lời thề		

Một số việc diễn ra trong lễ cưới

- making marriage vows đọc lời thề kết nghĩa phu thê
- bowing down to parents cùi chào cha mẹ
- giving and receiving rings trao và nhận nhẫn
- having a feast ăn tiệc
- proposing a toast nâng cốc chúc mừng
- teasing the new couple trêu chọc đôi vợ chồng mới cưới

Đáp án tham khảo

- Câu mở đầu** Well, the wedding ceremony I want to share with you was my best friend Michael's. It was the first time I had been a best man.
- Bối cảnh** Michael and I have been close friends since childhood. We have known each other for more than two decades. When he invited me to be his best man, I agreed without any hesitation.
- Diễn biến** We had a memorable and busy day back then, which was in last October. The ceremony procedure was quite conventional, just like others; the bride and groom said vows, bowed down to parents, proposed toasts, took photos with guests, and so on.
- Phản trọng tâm** Since we met a lot of friends, we turned the wedding into a big reunion party; everyone had a good time.
- Kết thúc** That was a beautiful memory.
(diễn biến cảm xúc: nervous → touched → loving → happy)
- Diễn biến cảm xúc** At the very beginning, I was quite nervous since I had never been a best man before, and it seemed like I was going to have a big day. Before the ceremony, we had laboriously decorated and planned everything. During the ceremony, the couple recalled their love journey; they were bonding together after experiencing all sorts of ups and downs, and I was deeply touched and moved. As their best friend, I wanted to express my overwhelming love and best wishes to them. Eventually, we all got drunk, and it was one of the most unforgettable moments of my life.
- Kết luận** That's the wedding ceremony I'm happy to tell you about.

Đề liên quan

- Describe a special family event.
Describe a family photo.
Describe two people from one family.

Thời điểm khó khăn nhất trong đời bạn

Describe the most difficult time in your life.

You should say: when that was
what happened
how you dealt with the difficult time
and explain how you felt at that moment.

Bạn cần trình bày thật chi tiết về những trải nghiệm của bản thân vào thời điểm bạn cho là khó khăn nhất trong đời mình. Có như vậy, bài nói của bạn mới sinh động.

Đáp án tham khảo

Bối cảnh I guess countless things happen to each of us every day, but the most difficult thing that has ever happened to me is the one I am experiencing right now — taking the IELTS examination.

Diễn biến I want to talk about this simply because I have taken the IELTS exam five times, and each time, I got five points only. I have to say that IELTS is really a standardised test. Honestly, I once thought of quitting and I don't like IELTS at all.

Kết thúc However, this is the sixth time. I don't want to be a loser again as I have tried harder than ever.
(diễn biến cảm xúc: worried → frustrated and hopeless → motivated → confident)

Diễn biến cảm xúc After deciding to go overseas to study for the master's degree, I faced a tough task, which was obtaining an IELTS certificate with a score of 6.5, so I was very worried about how to achieve that. In fact, English had been my weakness in high school, so I lacked confidence. But then, I believed that if I put my mind to it, I could make it. Yet, no matter how hard I tried, the score of 5.0 was the only number I got each time. I was greatly frustrated and hopeless. I have never experienced something as difficult as that in my life. Eventually, a teacher of mine gave me a lot of suggestions and encouragement. He told me that if I persisted, one day I would be successful. I personally have great confidence that my efforts will pay off sooner or later.

Kết luận In summary, those are the reasons why I am here today to fight for my dream.

Trải nghiệm thú vị

Describe an exciting experience.

**You should say: when that was
where that was
what happened
and explain why you felt excited.**

Đáp án tham khảo

- Bối cảnh Well, the exciting experience I want to tell you about happened several years ago when I was studying in university. I was on a basketball team with some of my classmates.
- Điễn biến At first, I wasn't a starter in the game, and actually, I rarely had a chance to play on the court due to my incompetence. Yet, once in a game, when the team was lagging behind, I was called unexpectedly by the coach.
- Kết thúc Although I was fouled and blocked by our rivals, I managed to play with my teammates, and eventually, I made a buzzer-beater to win the game.
(diễn biến cảm xúc: anxious → nervous → stressed → thrilled → happy)
- Điễn biến cảm xúc At the beginning, when I was sitting on the bench witnessing our team being left behind, I was pretty anxious, yet I couldn't do anything for the team. Unexpectedly, I was called to switch with one of the starters. I was so nervous since I had been longing for this moment all the time, and it came to me so suddenly. The moment I stood on the court, I felt very stressed since I wanted to contribute so badly. Later on, our team co-ordinated harmoniously, and gradually, we caught up with the other team with only one point behind. During the last second, I shot the buzzer-beater, and we won. You may imagine how happy we all were.
- Kết luận In short, it is wonderful for me to recall such an exciting moment.

Ghi nhớ

- Step 1: Hình dung tình huống và diễn biến của sự việc.
- Step 2: Chia diễn biến của sự việc thành các giai đoạn (at the very beginning, afterwards, towards the end).
- Step 3: Viết ra một số tính từ mô tả diễn biến cảm xúc (trình bày theo mũi tên).
- Step 4: Trình bày bài nói, chia các động từ ở thì quá khứ.

Hồi ức**Nhân vật trong câu chuyện tuổi thơ**

Describe a character in a childhood story.

Từ vựng liên quan đến những câu chuyện tuổi thơ

fairy tale	truyện cổ tích	Mickey Mouse	chuột Mickey
Andersen	các truyện cổ tích của nhà văn	Popeye	thuyền trưởng Popeye
Đan Mạch Hans Christian Andersen		The Frog Prince	Hoàng tử ếch
Pinocchio	cậu bé người gỗ Pinocchio	Cinderella	Cô bé Lọ Lem
mermaid	nàng tiên cá	proverb	tục ngữ
Three Little Pigs	Ba chú lợn con	Donald Duck	vịt Donald
Snow White and the Seven Dwarfs	Bạch	Tom and Jerry	Tom và Jerry
Tuyết và bảy chú lùn		Little Red Riding Hood	Cô bé khoàng khăn đỏ
fable	truyện ngụ ngôn	The Smurfs	truyện tranh Xì trum

Đáp án tham khảo

Bối cảnh	Basically, as the main character in this story, a kid shepherd found herding sheep was quite boring/humdrum/vapid.
Diễn biến	So one day, he decided to make fun of the other shepherds/farmers by shouting loudly "Wolves are coming!" Everyone else believed him and rushed to him but found nothing. The boy enjoyed cheating others a lot. The same thing happened again the following day.
Định điểm	Unfortunately, the third time he shouted, his lie met up with reality.
Kết thúc	As no one would trust him any more, he helplessly watched all of his sheep being eaten as the wolves' dinner.

Cảm nghĩ I was told this story by my mum when I was a kid. From then on, I was utterly afraid of telling a lie. I promised to myself that the word "cheating" would be deleted from my life dictionary since I knew that it might bring baneful consequences, especially in some emergency situations.

Trò chơi yêu thích thời thơ ấu

Describe a game you liked to play in your childhood.

Với đề này, bạn có thể nói về trò chơi vui nhộn có tên là *dodgeball* (*bóng né*).

Bạn cũng có thể nói về trò chơi này khi gấp những đề sau:

- ✓ Describe your favourite sport/game in your childhood.
- ✓ Describe your favourite outdoor activities.
- ✓ Describe something you can do with others.

Cách chơi trò chơi bóng né:

1. Two teams play the game. It starts with one team standing in the middle of the court and the other team standing on two sides of the court. *Có 2 đội tham gia trò chơi. Khi trò chơi bắt đầu, một đội đứng ở giữa sân, đội còn lại đứng ở 2 bên sân.*
2. The players who stand on the sides shoot the ball at the ones in the middle. *Các cầu thủ ở 2 bên sân ném bóng vào các cầu thủ ở giữa sân.*
3. The one who is hit will be out. *Cầu thủ nào ở giữa sân bị ném trúng thì sẽ bị loại.*

Những lý do khiến bạn thích chơi trò chơi bóng né:

1. It involves a lot of teamwork spirits/co-operation/interaction/co-ordination skills, which greatly boosted my physical and mental development. *Trò chơi này đòi hỏi tinh thần đồng đội/sự hợp tác/sự tương tác/các kỹ năng phối hợp thật tốt. Điều này giúp thể chất lẫn tinh thần tôi phát triển rất nhiều.*
2. It generated genuine friendship at that moment; I learnt how to interact/communicate with other peers through playing with them. *Lúc đó tình bạn chân thật này sinh. Trong lúc chơi, tôi biết phải phối hợp với bạn cùng chơi như thế nào.*
3. It is an unforgettable memory of my childhood and keeps reminding me of my carefree childhood experience. *Đó là kỷ niệm khó quên thời thơ ấu và luôn gợi tôi nhớ về tuổi thơ vô tư lự của mình.*

Phần 3

Câu hỏi yêu cầu đưa ra lựa chọn

Các câu hỏi điển hình

Do you prefer writing letters or e-mails?

Do you prefer making phone calls or sending text messages?

Do you prefer big weddings or small weddings?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: đưa ra quan điểm, nêu lý do, nêu ví dụ, nêu giả định, đề cập mặt đối lập của vấn đề, kết luận.

Đưa ra quan điểm: Personally, I think ...

Nêu lý do: simply because ...

Nêu ví dụ: For example, ...

Nêu giả định: Without ...

Đề cập mặt đối lập: On the other hand, ...

Kết luận: In short/All in all/In summary/To conclude/To sum up/In a word, ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

Do you prefer writing letters or e-mails?

Đưa ra
quan điểm

Well, I personally prefer writing an e-mail

Nêu lý do (1)

simply because it is more economical/time-saving/labour-saving than writing a letter.

Nêu lý do (2)

Besides, e-mailing is the most common way for today's people to communicate with each other.

Nêu ví dụ
và giả định

For example, currently, I am applying for studying in foreign universities; if I sent a letter to professors overseas, it might take at least a week, and all my applications would be delayed.

Đề cập mặt
đối lập

Yet, on some special occasions, I do agree that writing a letter is more appropriate, such as wedding invitations or love letters.

Kết luận

But, for the most part, I guess e-mail is handier/more convenient.

Câu hỏi về sự khác biệt

Các câu hỏi diễn hình

What are the differences between men and women/ children and adults in expressing anger?

What are the differences between big weddings and small weddings?

What are the differences between pictures and paintings?

Cách trả lời

Tìm những điểm khác biệt giữa A và B rồi trình bày theo các mẫu câu sau:

Compared with A, B tends to ...

Unlike A, B is more/less likely to ...

A is ..., while B is more/less likely to ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

What are the differences between big weddings and small weddings?

Well, whether it is a big wedding or small wedding totally depends on the ...

- | | |
|--------------------------------|--------------------------|
| ✓ budget | ngân quỹ |
| ✓ preparation time | thời gian chuẩn bị |
| ✓ number of guests | số lượng khách mời |
| ✓ wedding venue | nơi tổ chức tiệc cưới |
| ✓ preferences of both families | ý thích của hai gia đình |

Câu hỏi về sự thay đổi

Các câu hỏi điển hình

How have weddings changed recently?

How has people's way of communicating changed?

Cách trả lời

Nêu sự khác biệt ở sự vật, sự việc, cách thức thực hiện hành động... giữa thời điểm quá khứ và trong hiện tại.

Generally speaking, people used to ... in a traditional and conventional way, such as ...

But now, an increasing number of people, especially young couples, tend to ... in a more diversified way, including ..., simply because our way of life has deeply been transformed by the Internet and technology.

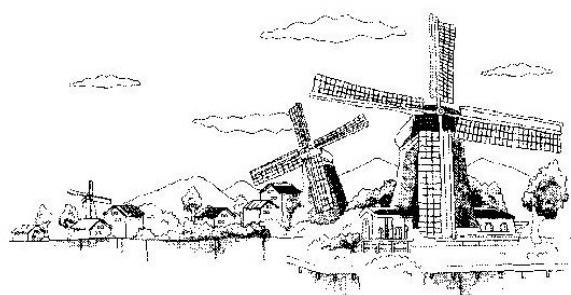
Câu hỏi và trả lời gợi ý

How have weddings changed recently?

Well, in the past, due to the limitation of diversified services, people used to have their wedding reception in a traditional way – they invited friends and relatives to their house for the wedding ceremony and party.

But now, people are more likely to spend a fortune on a series of celebrations and events, including holding luxurious parties, going on a honeymoon, and taking expensive wedding photos.

Besides, more new couples tend to have a wedding that is distinct from others, like holding an undersea wedding, taking a wedding tour, or inviting celebrities to come along and perform.



Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm

Các câu hỏi diễn hình

What do people usually lose?

Is the crime rate increasing in the place where you live?

Do people pass old things on to the next generation in your country?

What is the value of old things?

Why do people celebrate weddings?

What kinds of bad weather are there in your city?

On what occasions will people receive money as a gift?

Should people always express their anger when they feel upset?

Cách trả lời

Trả lời câu hỏi theo trình tự: giới thiệu khái quát và liệt kê.

Giới thiệu khái quát: Well, people often ... for a variety of ... (chuyển câu hỏi của giám khảo thành câu trần thuật và thêm từ/ cụm từ sau: many/loads of/heaps of/a variety of/a wide range of ...)

Liệt kê: such as/like/including ...

Câu hỏi và trả lời gợi ý

On what occasions will people receive money as a gift?

Normally, people receive money as gifts on the following occasions:

- | | |
|--|---|
| ➤ during the Lunar New Year (lucky money) | vào dịp Tết (tiền lì xì) |
| ➤ going to college (a subsidy from a relative) | vào đại học (tiền trợ cấp của người họ hàng) |
| ➤ for education (financial support from parents) | cho học tập (hỗ trợ tài chính của cha mẹ) |
| ➤ after competitions or achievements (rewards) | sau các cuộc thi hoặc thành tựu (phần thưởng) |
| ➤ for charity purposes (donations) | vì mục đích từ thiện (hiện vật quyên góp) |

Chương 7

Từ vựng cần sử dụng
để đạt điểm cao

Từ vựng cần sử dụng

Từ vựng
theo chủ đề

Work and Study

Ở cột bên trái là những từ khá thông thường hoặc thí sinh dùng không chính xác về ngữ nghĩa. Ở cột bên phải là những từ bạn nên sử dụng khi thi IELTS để đạt điểm cao.

beneficial

rewarding

có lợi

It is rewarding to learn a foreign language.

good future

promising

đầy hứa hẹn, đầy triển vọng

I believe that I will have a promising future with this major.

popular

prevailing

thịnh hành, phổ biến

This major is prevailing since this industry has a high demand for ...

laborious

back-breaking

gian khổ, vất vả

After a day's back-breaking work, I really need relaxation.

high salary

well-paid job

nghề có lương cao

After graduation, I may get a well-paid job.

office worker

clock/card puncher

nhân viên làm theo giờ hành chính

I don't want to be a card puncher, I want to be a freelancer.

seek a job

job-hunting

tìm việc làm

Being proficient in languages makes me competitive in the job-hunting market.

job-centred

career-oriented

hướng nghiệp

Overseas students should aim at career-oriented study plans.

difficult

challenging

khó khăn, đầy thử thách

Studying alone in a foreign country is actually a challenging task.

ask for a lot

demanding

khó khăn, đòi hỏi nhiều

This job is demanding, so I have to learn new knowledge every day.

case study scenario analysis nghiên cứu/phân tích tình huống

Let me give you a scenario analysis.

Media and Culture

relaxing soothing êm dịu

Light music is pretty soothing.

funny hilarious hài huoc

This comedy is nothing but hilarious.

exciting dynamic sôi động

Young people have a fancy for dynamic music.

enjoyment blast/treat (infnl) điều vui thích

What a treat to enjoy his show.

lively energetic sinh động; hăng hái

Rock makes me feel more energetic.

electronic magazine e-zine tạp chí điện tử

An increasing number of people choose to read e-zines.

electronic book e-book sách điện tử

E-book is a necessity for killing time while I am going by coach or train.

recent news current affairs thời sự

We can keep up with current affairs through *Tuoitrenews*.

reporter journalist phóng viên

Honesty is the bottom line of a journalist.

full of action action-packed đầy rẫy các pha hành động

This film blew my mind with heaps of action-packed scenes.

have a mixed feeling about ... twisting rối rắm, khó hiểu

I felt twisting about the plot of this film.

boring monotonous/tedious/humdrum nhảm chán, tẻ nhạt

The theme is so monotonous.

properly

appropriately

phù hợp

On such an occasion, we need to dress up appropriately.

improve

boost/foster/enhance/further

nâng cao

Watching English films help boost my understanding of western culture.

People

hard-working

diligent/industrious/studious

chăm chỉ

I have never seen such a diligent guy like him.

intelligent

brainy (informal)

sáng dạ

She is the brainiest girl in our class.

attractive

appealing/tempting

hấp dẫn

I found Brad Pitt greatly appealing.

hang out with

socialise/interact with

xã giao/giao tiếp với...

Dancing is a way of socialising with different people.

do ... without being told

self-starter

người tự giác

Self-starters tend to achieve success more easily.

cover a variety of ground

well-rounded

toàn diện

The essence of education is to provide well-rounded knowledge.

confidence

self-belief

sự tự tin

I want to see a bit more self-belief from you.

good friend

intimate companion

bạn thân

As an intimate companion, she told me everything about her family.

toughness

strong-mindedness

sự quyết tâm

I really admire his strong-mindedness.

work hard on

apply oneself to

chùi tâm vào

We can all make a success provided that we apply ourselves to what we're doing.

practical

be down-to-earth

thực tế

We need to be down-to-earth to start it over.

encourage **inspire/motivate** **khuyến khích, khích lệ**

A leader should be able to inspire his subordinates.

Travel and Transport

travelling place **travelling destination** **diễn đến**

Outbound travelling destinations are increasingly prevailing for Asian visitors.

different feeling **exotic** **mới lạ**

This restaurant is full of exotic sensations.

travelling around the world **round-the-world tour** **chuyến du lịch vòng quanh thế giới**

My lifelong dream is to take a round-the-world tour.

trip **journey** **chuyến đi**

The purpose of a journey is not just to reach a certain destination.

travel plan **itinerary** **lịch trình**

According to the itinerary, we may get there in three days.

natural scenery **natural landscape** **cảnh thiên nhiên**

The elderly prefer places with a natural landscape.

traffic jam **traffic congestion** **ùn tắc giao thông**

The issue of traffic congestion tends to be more serious in my city.

car exhaust **gas emission** **khi thải (ô nhiễm)**

Smart might produce less gas emission than other vehicles.

on time **punctual** **dừng giờ**

A punctual start at 8:00 a.m. has been announced by the tour guide.

worker **commuter** **người đi lại thường xuyên từ nhà đến nơi làm việc**

For commuters, traffic situation at peak hours is a nightmare.

daily routine **daily timetable/schedule** **thời biểu hàng ngày**

My daily timetable is pretty full.

Shopping and Lifestyle

chase after fashion

fashion-conscious

ưa chuộng thời trang

This magazine is attractive to fashion-conscious youth.

crazy about shopping

shopaholic

người nghiện mua sắm

Can you believe that Librans were born to be shopaholics?

can't help buying something

compulsive shopper

người nghiện mua sắm

As a compulsive shopper, I've decided to reduce my shopping frequency.

use every penny wisely

bargain shopper

người hay mua cá

This is a perfect place for bargain shoppers.

limited pocket money

tight budget

túi tiền eo hẹp

I couldn't go shopping frequently due to my tight budget.

shopping mall

commercial complex

trung tâm mua sắm, khu phức

hợp thương mại

At weekends, I usually spend my whole day in this commercial complex.

expensive

pricy/pricey

đắt tiền

Things in this shop are less pricy.

convenient

handy/portable

tiện lợi, có thể mang theo

You can take this handy gadget anywhere you go.

Facebook/Twitter

SNS (Social Networking Site)

mạng xã hội

SNS is now a necessity for almost every adolescent.

delivery service

door-to-door service

dịch vụ giao hàng

They provide door-to-door service.

real goods

genuine and authentic goods

hàng thật

This online shop is trustworthy because it sells genuine and authentic goods.

price goes up/down

appreciate/depreciate

tăng giá/mất giá

Some people buy gold with the belief that it might appreciate.

Internet

cyber

thuộc thế giới ảo

Cyber crime is becoming increasingly serious these days.

cheating

fraudulent / deceitful

lừa đảo

Shoppers should beware of fraudulent advertising.

delicious

tasty / flavourful / appetising /
savoury

ngon, thơm ngon

This place is a paradise with loads of tasty food.

food

dish

món ăn

They serve special dishes in this restaurant.

delicious food

cuisine

ẩm thực

I am a big fan of Italian / French / Japanese cuisine.

healthy food

nutritious

tốt cho sức khỏe; bổ dưỡng

Sushi is pretty nutritious with the combination of vegetables and seafood.

Fitness

health

fitness

sức khỏe

Swimming is good for my physical and mental fitness.

do actions

do exercise

vận động

We need to do some exercise after a hard-working day.

be at home

stuck at home

ru rú ở nhà

I used to be stuck at home all day long.

rest

do / promote relaxation

nghỉ ngơi, thư giãn

You can do / promote relaxation by walking along the beach.

refreshed

revitalised

tinh táo; hồi phục sức lực

After walking around in such a peaceful place, I feel revitalised.

good at sport

athletic

giỏi thể thao

Sam is very athletic at track and field.

endurance

stamina

sức bền

Long-distance race training helps foster my stamina.

Housing and Places

long history **time-honoured** **có lịch sử lâu đời**

My home town is well known for its time-honoured buildings.

big place **spacious / roomy** **rộng rãi**

The garden near my house is pretty spacious.

near water **waterfront** **gần sông / biển; khu bờ sông / biển**

It is my dream to live in a waterfront villa.

quiet **serene and tranquil** **yên tĩnh**

At such a serene and tranquil place, I may find inner peace.

cold **freezing / chilly** **lạnh buốt**

hot **stuffy** **nóng; ngột ngạt**

The climate in my home town is typical of northern Vietnam, which is stuffy during summer and freezing during winter.

comfortable **comfy / cosy / homey** **thoải mái, dễ chịu**

I prefer watching movies at home since it is comfy.

flower **blossom** **hoa**

This garden is enclosed by blossoms.

Memories and Experiences

unforgettable **memorable / impressive** **đáng nhớ / đầy ấn tượng**

The gig I went to last weekend was so memorable.

memory **a lasting impression** **ấn tượng lâu dài**

This film left a lasting impression on my mind.

a rare opportunity **a once-in-a-lifetime chance** **dịp hiếm hoi**

This is a once-in-a-lifetime chance, I won't let it go.

in my memory **in retrospect** **nghĩ lại**

In retrospect, I made the right decision at the very beginning.

remember

recall

nhớ lại

We recalled all good memories we had in high school.

starting point

incentive

xuất phát điểm, động cơ (làm việc gì)

The incentive was that I wanted to extend my own limits.

get married

tie the knot (*informal*)

kết hôn

Today is the big day for my sister to tie the knot.

wedding dress

wedding gown

đầm cưới

This exquisite wedding gown is handmade.



Một số tính từ thay thế good/beautiful/nice/great

Diễn tả điều gì đó tuyệt vời, hoàn hảo			
incredible	unbelievable	astonishing	amazing
fabulous	excellent	fantastic	brilliant
classic	fascinating	epic	perfect
Diễn tả điều gì đó rất tốt (dùng trong văn nói)			
awesome	terrific	wonderful	marvellous
bravo			
Diễn tả cảnh thiên nhiên tươi đẹp			
stunning	gorgeous	picturesque	scenic
Diễn tả sự tráng lệ của công trình kiến trúc			
splendid	magnificent	glorious	grand
Diễn tả nhân vật nổi tiếng, có danh vọng, được kính trọng, có địa vị			
prestigious	reputable	celebrated	well-known
renowned	esteemed	honoured	notable
top-tier	top-ranking	superb	outstanding
Diễn tả nét tinh xảo			
exquisite	tasteful	delicate	elegant
graceful	decent		
Diễn tả sự vượt trội, không gì sánh kịp			
incomparable	unmatched	invaluable	phenomenal
exceptional	unbeatable	invincible	impeccable

Chương 8

Một số câu tiếng Anh thực dụng

Một số câu tiếng Anh thực dụng

1. I've come across somebody really interesting.

Tôi bắt gặp một người rất thú vị.

2. I haven't made up my mind.

Tôi chưa quyết định.

3. I am feeling quite keen on talking about ...

Hiện giờ tôi cảm thấy rất phấn khởi để nói về...

4. In regard to opening hours ...

Về giờ mở cửa...

5. As far as the amount of time is concerned, you'll need ...

Về thời gian, bạn sẽ cần...

6. Some of the exhibits are very fragile.

Một số vật phẩm trưng bày rất dễ vỡ.

7. There are continuous screenings of short documentaries about dinosaurs.

Những phim tài liệu ngắn về khủng long liên tục được trình chiếu.

8. These games are a lot of fun.

Những trò chơi này rất vui.

9. My father was a big fan of Western films.

Cha tôi rất thích phim phương Tây.

10. The film featured awesome audio-visual effects.

Bộ phim thật đặc sắc về hiệu ứng âm thanh và hình ảnh.

11. It is somewhere I've always longed to visit.

Đây là nơi tôi luôn khao khát được đến tham quan.

12. It's hardly surprising that tourists flock to see the area.

Thảo nào mà du khách lũ lượt đến tham quan khu này.

13. Their culture is so rich with all those wonderful stories.
Nền văn hóa của họ rất phong phú với tất cả những câu chuyện tuyệt vời ấy.
14. I think the best way to appreciate the area may be to hire horses and trek around on them.
Tôi nghĩ có lẽ cách tốt nhất để thưởng ngoạn khu này là thuê ngựa và cưỡi chúng đi quanh vùng.
15. Our current use of carbon fuels is a good example of that.
Việc sử dụng nhiên liệu carbon của chúng ta hiện nay là một ví dụ rõ ràng cho điều đó.
16. Studying this subject is important because without geographical knowledge, we would know very little about our surroundings.
Học môn này là quan trọng vì nếu không có kiến thức về địa lý, chúng ta hầu như sẽ không biết gì về môi trường xung quanh mình.
17. Maps provide a great store of reference and can be folded and put in a pocket.
Bản đồ cung cấp nhiều nội dung tham khảo và có thể gấp lại cho vào túi.
18. The shops have lovely sets of china plates and dishes matching with cups and saucers.
Các cửa hàng đó có những bộ đĩa sứ phù hợp với những chiếc tách và đĩa lót.
19. There are lots of fascinating indoor and outdoor exhibits in the huge complex, spreading hundreds of hectares.
Có nhiều vật phẩm hấp dẫn được trưng bày bên trong và bên ngoài khu liên hợp khổng lồ trải dài hàng trăm hecta.
20. Tourists may feel free to browse around the shop.
Du khách có thể tự do nhìn ngắm các sản phẩm ở cửa hàng.
21. There is a wide selection of books on wildlife.
Có vô số sách về động thực vật hoang dã.
22. The quarantine service regulates all food brought into Australia.
Sở kiểm dịch kiểm soát mọi thực phẩm được mang vào nước Úc.
23. My current research involves trying to find a particular type of bee.
Nghiên cứu hiện tại của tôi đòi hỏi phải cố gắng tìm ra một loài ong đặc biệt.
24. That must have had a devastating effect on the natural flora.
Việc đó át hẳn đã tác động nguy hại cho hệ thực vật tự nhiên.
25. The authority managed to get the situation under control before that happened.
Chính quyền đã tìm cách kiểm soát tình hình trước khi điều đó xảy ra.

26. I want to talk about the motivation behind that decision.

Tôi muốn nói về động cơ đưa đến quyết định đó.

27. I will need to do more far-reaching research than I had anticipated.

Tôi sẽ cần phải nghiên cứu sâu rộng hơn mức dự kiến.

28. This stage has turned out to be very beneficial.

Giai đoạn này hóa ra lại rất có ích.

29. There were odd cases that threw me.

Có những trường hợp lạ lùng khiến tôi bất ngờ.

30. I'm interested in renting a house somewhere downtown.

Tôi muốn thuê một ngôi nhà ở trung tâm thành phố.

31. I'm going to share the house with three friends.

Tôi dự định ở ghép với ba người bạn.

32. It'd be nice to be central.

Được ở trung tâm thì tốt.

33. The flat is very well furnished and equipped.

Căn hộ được trang bị đầy đủ đồ đạc và thiết bị.

34. It's available for renting for a minimum of a year.

Căn hộ trống đó cho thuê tối thiểu một năm.

35. There's a big demand for houses in that area.

Nhu cầu về nhà ở tại khu vực đó rất lớn.

36. It's now in the process of being converted into a film museum.

Hiện tại nó đang trong quá trình được chuyển đổi thành bảo tàng phim ảnh.

37. That project is scheduled to start next year.

Dự án đó được dự kiến khởi sự vào năm tới.

38. It's famous throughout the world as one of the major venues for classical music.

Nơi này nổi tiếng khắp thế giới là một trong những địa điểm quan trọng dành cho nhạc cổ điển.

39. The centre itself is a huge complex that caters for a great range of arts.

Bản thân trung tâm này là một khu liên hợp khổng lồ phục vụ cho rất nhiều loại hình nghệ thuật.

40. The choice of entertainment there is simply enormous.

Ở đó có rất nhiều lựa chọn cho giải trí.

41. Ever since then, this art gallery has proved to be a great success.

Kể từ đó đến nay, nhà trưng bày mỹ thuật này tỏ ra rất thành công.

42. It has a great number of really fascinating paintings and sculptures by leading artistes from all over Vietnam.

Nơi này có vô số tranh và tác phẩm điêu khắc cực đẹp của những nghệ nhân hàng đầu trên khắp nước Việt Nam.

43. He gave me lots of advice and guidance.

Anh ấy đã tư vấn cho tôi rất nhiều.

44. Women are increasingly occupying positions in government and in elected leadership positions in Vietnam.

Ở Việt Nam, phụ nữ đang ngày càng giữ nhiều chức vụ trong chính quyền và trong những vị trí lãnh đạo được bầu chọn.

45. I've had some practical experience in the field.

Tôi đã có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực này.

46. A host of studies have been conducted in a wide range of business settings: branch banks, retail stores, real estate agencies, factories, call centres, to name but a few.

Một loạt nghiên cứu đã được tiến hành ở đa dạng các môi trường kinh doanh: ngân hàng chi nhánh, cửa hàng bán lẻ, công ty bất động sản, nhà máy, tổng đài, v.v.

47. The modifications might compromise safety in some way.

Những sửa đổi này có thể ảnh hưởng đến sự an toàn trong chừng mực nào đó.

48. I've witnessed the fast-growing suburb of Ho Chi Minh City.

Tôi được chứng kiến sự phát triển thần tốc của vùng ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh.

49. That's all sorted out now.

Mọi thứ hiện đã được giải quyết xong.

50. We're rehearsing frantically.

Chúng tôi đang diễn tập ráo riết.

51. I'm finding it pretty tough.

Tôi thấy việc đó khá cam go.

52. I am hoping that type of exercise will help me to build up my stamina.

Tôi hy vọng loại hình vận động đó sẽ giúp tôi rèn luyện sức bền.

53. It'll probably be a long haul.

Có lẽ đó sẽ là một chặng đường dài.

54. I don't think I'm on the same wavelength as my supervisor.

Tôi nghĩ rằng tôi không có cách nghĩ như thầy hướng dẫn của tôi.

55. My supervisor is very demanding.

Thầy hướng dẫn của tôi yêu cầu rất cao.

56. I always struggle with my assignments.

Tôi luôn vật lộn với các bài tập về nhà.

57. I need a timetable to fit everything in.

Tôi cần có một thời gian biểu để sắp xếp mọi việc ổn thỏa.

58. We need more incentive to tackle these challenging issues.

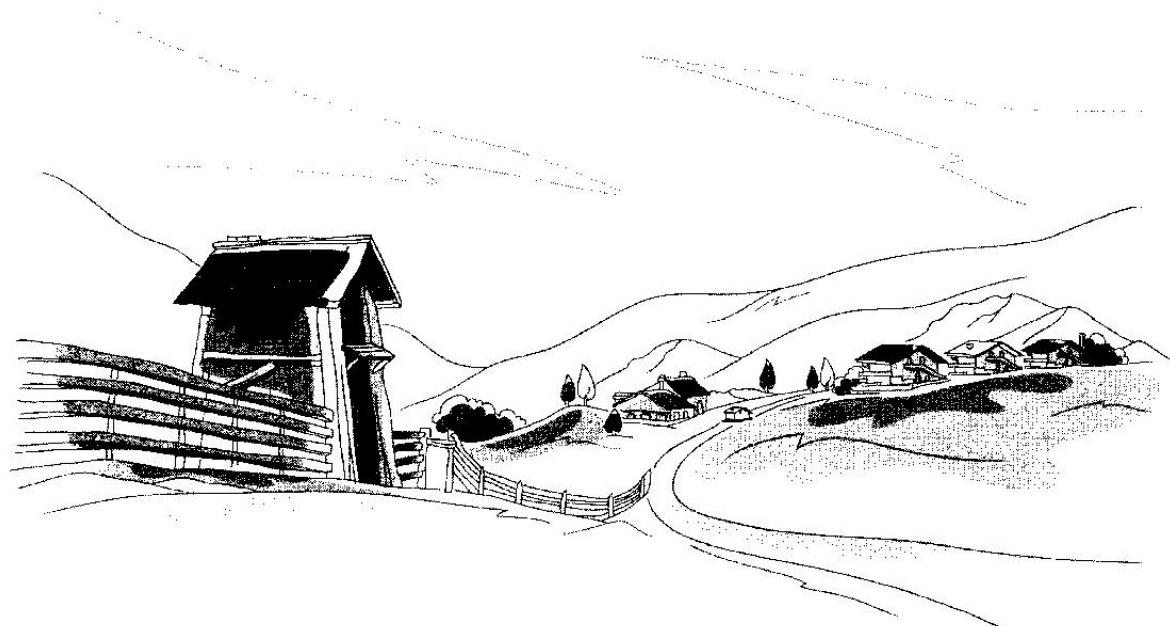
Chúng ta cần thêm động lực để giải quyết những vấn đề khó khăn này.

59. With broad topics, I'm more likely to feel demotivated.

Với những đề tài rộng, tôi dễ nản lòng.

60. One of the most significant characteristics of ... is ...

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của... là...



Chương 9

Giải đáp thắc mắc

Những thắc mắc về môn Nói IELTS

❖ Trong môn Nói của kỳ thi IELTS, thí sinh sẽ thi những phần nào? Nội dung trọng tâm và mục đích của những phần thi này là gì?

(Tham khảo Chương 3)

✓ Phần 1 là phần giới thiệu và phỏng vấn (Introduction & Interview). Giám khảo sẽ tự giới thiệu và kiểm tra tên của thí sinh. Sau đó, giám khảo sẽ hỏi thí sinh về 3 chủ đề thông dụng, gần gũi với môi trường học tập hoặc đời sống. Mỗi chủ đề có 4 câu hỏi.

Thời gian thi: 4-5 phút

Mục đích: Kiểm tra khả năng giao tiếp cơ bản của thí sinh.

Các đề tài thường gặp: study, work, home town, hobby, music, film, sport, shopping, travel, transport

Các đề tài khác: animal, art, bird, change, clothes, collecting, computer, dancing, driving, e-mail, flower, food, friend, gift, happiness, holiday, language, magazine, name, noise, number, outdoor activity, reading, swimming, TV programme, weather, weekend

✓ Phần 2 có tên là Individual Long Turn: Giám khảo trao cho thí sinh một thẻ đề bài có 4 gợi ý. Thí sinh trình bày theo yêu cầu trên thẻ, ví dụ:

Describe your favourite shop.

You should say: what the shop is and what it specialises in
how often you go shopping at such a place
what kinds of shoppers like to shop here

and explain why you like it.

Thời gian thi: 3-4 phút. Thí sinh có 1 phút để chuẩn bị (ghi nhanh các ý ra giấy) và 1-2 phút để trình bày. Sau đó, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi liên quan.

Mục đích: Kiểm tra khả năng nói của thí sinh về những chủ đề liên quan đến bản thân và cuộc sống.

Các chủ đề thường gặp:

- Work and Study
- Shopping and Lifestyle
- Media and Culture
- Fitness and Environment
- People and Wildlife
- Housing and Places
- Travel and Transport
- Memories and Experiences

Lưu ý: Phần 1 và Phần 2 sẽ quyết định thí sinh có đạt đến điểm 6 hay không.

✓ Phần 3 được gọi là Discussion: Giám khảo sẽ hỏi một số câu hỏi liên quan đến hoặc mở rộng chủ đề ở Phần 2 để thí sinh thảo luận. Những câu hỏi này đòi hỏi thí sinh phải lập luận và trình bày trôi chảy, sử dụng tiếng Anh ở cấp độ cao hơn so với khi trả lời ở Phần 1.

Thời gian thi: 4-5 phút (với khoảng thời gian này, giám khảo có thể đặt 5-8 câu hỏi)

Mục đích: Kiểm tra khả năng lập luận của thí sinh và mức độ sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp phức tạp.

Các loại câu hỏi thường gặp:

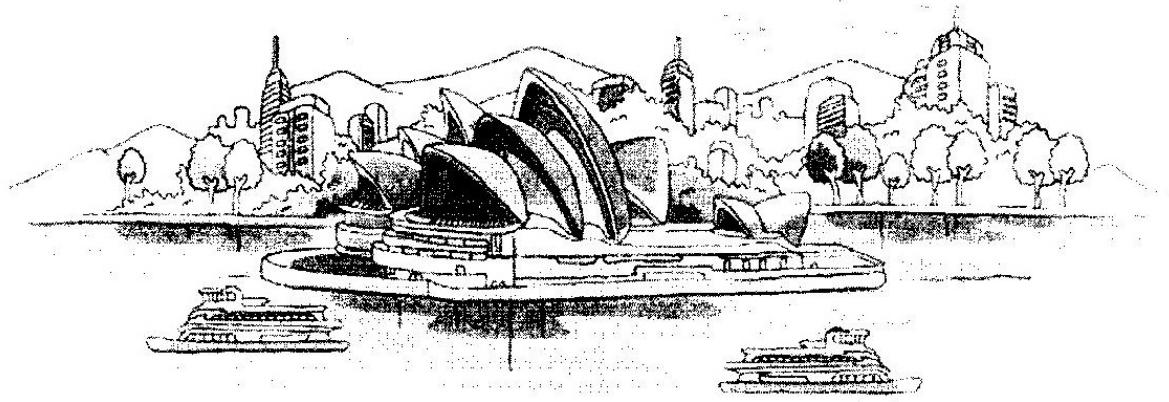
- | | |
|--|---|
| ➤ Câu hỏi yêu cầu đưa ra lựa chọn: | Do you prefer ... or ... and why? |
| ➤ Câu hỏi về tầm quan trọng: | Is/Are ... important? |
| ➤ Câu hỏi về sự phổ biến: | What is/are the most popular ... in your country? |
| ➤ Câu hỏi về sự khác biệt: | What are the differences between ... and ...? |
| ➤ Câu hỏi về ưu khuyết điểm: | What are the advantages and disadvantages of ...? |
| ➤ Câu hỏi về sự thay đổi: | How have/has ... changed recently in your country? |
| ➤ Câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm: | Why do some people like ...?
What are the qualities of ...?
Should ... be free of charge? |

❖ Môn Nói TOEFL và môn Nói IELTS khác nhau thế nào?

- Thời gian thi dành cho môn Nói TOEFL là 20 phút, thời gian thi dành cho môn Nói IELTS là 11-14 phút.
- Thí sinh thi môn Nói TOEFL trên máy tính, còn thí sinh thi môn Nói IELTS với giám khảo.
- Bài thi TOEFL mang tính tích hợp. Thí sinh thi môn Nói trên cơ sở nghe nội dung ghi âm. Còn thí sinh thi môn Nói IELTS đối đáp trực diện với giám khảo hoặc trình bày theo chỉ dẫn của giám khảo.
- Các chủ đề của môn Nói TOEFL gắn liền với học thuật, còn các chủ đề của môn Nói IELTS bao quát những vấn đề phổ thông trong cuộc sống.
- Môn Nói TOEFL chú trọng nội dung của câu trả lời. Còn môn Nói IELTS đánh giá khả năng diễn đạt tiếng Anh qua mức độ lưu loát và mạch lạc, qua việc sử dụng từ và cấu trúc phức tạp chứ không quá chú trọng vào nội dung câu trả lời.

☞ Đề thi Nói IELTS có thay đổi nhiều trong mỗi kỳ thi không?

- Nhìn chung, mỗi năm đề thi có thay đổi 3 lần, thường là vào cuối tháng 12 đầu tháng 1, cuối tháng 4 đầu tháng 5, cuối tháng 8 đầu tháng 9. Mức độ thay đổi đề thi ở những lần này là 30%.
- Ngoài 3 thời điểm nêu trên, đề thi ở các tháng khác có nội dung tương đối ổn định. Về cơ bản, có 80-90% câu hỏi trong kỳ thi trước được dùng trong kỳ thi sau.
- Trong cùng thời điểm diễn ra kỳ thi, đề thi tại các địa điểm thi khác nhau trong nước hay ở các nước khác có nội dung giống nhau. Sự khác nhau nếu có chỉ là số lượng câu hỏi của từng phần.



Những thắc mắc trong khi thi

❖ **Giám khảo có nói giọng chuẩn tiếng Anh không?**

Giám khảo chủ yếu đến từ các nước sử dụng tiếng Anh. Tất nhiên cũng sẽ có một số giám khảo đến từ các nước khác như Thái Lan, Phi-lip-pin, Ấn Độ, Nga... Tất cả giám khảo đều được tuyển chọn rất nghiêm ngặt theo những tiêu chuẩn nhất định để đảm bảo là giọng địa phương của giám khảo không ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp giữa giám khảo và thí sinh.

❖ **Tôi nên làm gì khi không hiểu câu hỏi của giám khảo?**

Bạn có thể sử dụng những câu dưới đây để giám khảo nhắc lại câu hỏi:

1. Would you mind rephrasing it?
2. What do you mean by ...?
3. Do you mean that ...?

Bạn sẽ không bị trừ điểm khi xin giám khảo nhắc lại câu hỏi chỉ 1-2 lần.

❖ **Khi đang trả lời câu hỏi, nếu chưa kịp nghĩ ra ý tiếp theo thì tôi nên làm gì?**

Nếu mạch suy nghĩ bị gián đoạn thì bạn nên tìm ngay một ví dụ trong thực tế cuộc sống. Việc nêu ví dụ vừa giúp giám khảo hiểu rõ hơn về ý kiến bạn đưa ra trước đó vừa giúp bạn có thêm thời gian để suy nghĩ ý tiếp theo. Chẳng hạn, bạn có thể nói: For example, my major is ..., and my dream is to be a(n) ... in the future./I still remember when I was little, I used to .../A good example might be ...

❖ **Khi chưa kịp nghĩ ra nội dung trả lời cho câu hỏi nào đó thì tôi cần làm gì?**

Rất có thể giám khảo sẽ hỏi bạn: In your mind, what will the traffic situation in Ho Chi Minh City be like in 20 years' time?

Bạn cảm thấy bất ngờ vì chưa từng chuẩn bị cho câu hỏi như vậy. Trong trường hợp này, bạn nên:

- mở đầu bài nói bằng câu sau: Well, frankly speaking/to be honest, this question is pretty tough simply because I've never thought of that before, yet in 20 years' time, I do believe that loads of things will be changed, and traffic is not an exception. Khi nói câu này, bạn sẽ tranh thủ được chút ít thời gian để suy nghĩ.

- tìm ý cho bài nói bằng cách liên tưởng theo hướng tốt đẹp: For example, the air will be less polluted, the vehicles should be more eco-friendly, and the whole traffic system will be much smarter than what we have today.

Khi trả lời câu hỏi, bạn không nên ngừng quá lâu. Hãy nhớ rằng giám khảo không quá quan tâm đến nội dung mà chú trọng vào khả năng diễn đạt của bạn. Bạn chỉ cần nói những câu có nội dung phù hợp thì sẽ không bị trừ điểm.

❖ Tôi cần làm gì để có thể được điểm cao, chẳng hạn từ 7 điểm trở lên?

Khi đề cập đến một vấn đề nào đó, bạn cần chú ý tính logic, nghĩa là trình bày thật chi tiết để người nghe hình dung cụ thể hoặc hiểu rõ về vấn đề đó.

Cụ thể, bạn cần lưu ý 2 điểm sau:

- khi dùng các từ trùu tượng như **convenient** và **comfortable**, bạn hãy giải thích rõ; nếu không, giám khảo sẽ hỏi lại: **How convenient is it? How comfortable is it?**
- dùng các từ/cụm từ liên kết: **firstly/and then/so/that's because/as a result/consequently/afterwards/eventually**

Ngoài ra, bạn nên trình bày theo trình tự sau:

- mô tả từ ngoài vào trong (mô tả bên ngoài trước, bên trong sau)
- nói rõ quan điểm, sau đó nêu lý do giải thích vì sao mình có quan điểm đó
- nêu thông tin thứ yếu trước, thông tin quan trọng sau.

Bạn nên trình bày nhiều ý. Ví dụ:

1. Khi giám khảo hỏi: **What's the most popular sport in your country?**, đa số thí sinh thường chỉ nói về 1 môn thể thao nào đó. Nhưng giám khảo có thể thắc mắc: **Lẽ nào chỉ có 1 môn thể thao duy nhất phổ biến ở một đất nước đông dân như Việt Nam?**

Để câu trả lời phong phú, bạn nên chia ra 2 nhóm người:

- nhóm người trẻ tuổi thường thích chơi những môn thể thao có sử dụng bóng, ví dụ...
- nhóm người lớn tuổi thường thích chơi những môn thể thao nhẹ nhàng, ví dụ...

Sau đó, bạn cho biết điểm chung giữa 2 nhóm người:

- ✓ có một số môn thể thao mà cả người trẻ lẫn người lớn tuổi đều yêu thích, ví dụ...

2. Khi giám khảo hỏi: *What are the qualities of a leader?*, bạn nên nghĩ ra 3 phẩm chất, sau đó giải thích vì sao người lãnh đạo cần có những phẩm chất đó, ví dụ:

- Firstly, responsibility is really essential for leaders since their decisions will influence people under their management.
- Besides, I also feel that leaders ought to be sociable; that's because they need to get along with all sorts of people.
- More importantly, leaders must be honest and credible because without honesty and credibility, it will be hard for them to gain trust from others.

Tóm lại, với một số câu hỏi, bạn hãy nghĩ mình có thể chia ra 2 trường hợp để trả lời hay không. Với câu hỏi yêu cầu trình bày quan điểm thì sau khi nêu quan điểm, bạn hãy cố gắng nêu 3 thông tin để làm rõ quan điểm đó (hoặc 3 lý do để giải thích vì sao bạn có quan điểm đó).

☞ Tôi nên làm gì khi phát hiện mình nói lạc đề?

Khi phát hiện mình nói lạc đề, bạn đừng xin lỗi giám khảo bằng câu: *Sorry, can I start it over again?*

Bạn có thể trả về với vấn đề được đặt ra trong câu hỏi bằng những cách diễn đạt như *By this, I mean .../What I am trying to say is .../To summarise, .../Anyway, the key point is that ...*

☞ Khi bắt đầu và kết thúc phần thi, tôi nên nói gì để thể hiện sự lễ phép và lịch sự?

- Khi đến lượt bạn vào phòng thi, giám khảo sẽ hỏi: *Can I see your identification?*

Bạn nên trả lời: *Oh, definitely yes, here you are.*

- Khi kết thúc bài thi, giám khảo sẽ nói: *All right, this is the end of today's test, thank you.*

Bạn nên nói: *Oh, thank you, and it's a pleasure talking to you./Oh, thanks for your time and have a nice day.*

Sau khi nói câu trên, bạn đừng bắt tay giám khảo mà chỉ cần mỉm cười là đủ.

☞ Tôi phải nói nội dung gì để giám khảo có hứng thú với câu trả lời của tôi?

Bạn hãy nói về những trải nghiệm rất riêng của bản thân, nhất là những trải nghiệm gắn liền với tình cảm bạn dành cho người thân. Chẳng hạn, bạn có thể nói về trải nghiệm trong tình yêu (nhà hàng này là nơi bạn và người yêu của bạn quen nhau, bức ảnh này được chụp trước khi hai bạn đính hôn); sự kiện khó quên (chuyến du lịch này khiến bạn nảy sinh ý định đi du học, bạn đã leo lên đỉnh núi Langbiang, đỉnh Hàm Rồng, bạn đã đại diện cho Việt Nam tham gia một cuộc thi quốc tế); ước mơ, sở thích thời thơ ấu (từ nhỏ

bạn mơ ước trở thành kiến trúc sư, thích xem phim khoa học viễn tưởng); quan niệm sống gắn liền với một sự vật (bạn cho rằng con người phải luôn lạc quan và suy nghĩ tích cực cho dù có chuyện gì xảy ra trong cuộc sống, giống như hoa hướng dương luôn hướng về phía mặt trời). Ngoài ra, nếu bạn từng sống và học tập ở nước ngoài thì hãy chia sẻ những trải nghiệm mình có được trong thời gian ấy với giám khảo. Tóm lại, tất cả những câu chuyện mang dấu ấn của cá nhân bạn đều có thể khiến giám khảo cảm thấy hứng thú.

❖ Làm thế nào để tránh căng thẳng trong khi thi?

Trong khi thi, nếu bạn bị căng thẳng quá mức thì khả năng tư duy sẽ bị hạn chế và bạn sẽ nói lộn xộn.

Vì vậy, trước khi vào phòng thi, bạn hãy hít thở thật sâu, thả lỏng cơ thể, giữ cho tâm trạng thoái mái, tránh lo lắng quá mức.

Mặt khác, bạn cần có nhận thức đúng về kỳ thi. Hãy nhắc nhở bản thân rằng bạn tham gia kỳ thi không phải để đối phó với giám khảo mà là thể hiện cho giám khảo thấy khả năng nói tiếng Anh của bạn. Mục đích quan trọng nhất của bạn trong kỳ thi là chia sẻ suy nghĩ, chia sẻ trải nghiệm.

❖ Nếu giám khảo có nét mặt lạnh lùng thì tôi nên hiểu điều này như thế nào? Nếu giám khảo cười với tôi thì đó có phải là dấu hiệu cho thấy tôi nói rất tốt hay không?

Nhiều thí sinh đã gặp các giám khảo lạnh lùng và bị hỏi những câu tương đối khó, ví dụ:

What do you think of the birth control policy?

If you had a chance to go back in time, which period would you choose?

How could animals contribute to a country's economy?

Nhưng có lẽ đây chỉ là thử thách mà giám khảo đặt ra để đánh giá khả năng của bạn và có thể bạn sẽ được điểm cao nếu trả lời thành công những câu hỏi này.

Nếu giám khảo mỉm cười với bạn thì điều đó chưa hẳn là bạn trả lời hay. Có thể đó chỉ là cách giám khảo khích lệ tinh thần của bạn.

Vì vậy, điều quan trọng nhất khi thi là bạn hãy tự tin và tập trung suy nghĩ để trả lời câu hỏi, đừng để bị ảnh hưởng bởi nét mặt của giám khảo.

❖ Kỳ thi có yêu cầu gì về cách ăn mặc của thí sinh không?

Bạn không nên ăn mặc tùy tiện nhưng cũng không cần ăn mặc quá cầu kỳ. Tốt nhất là hãy chọn trang phục gọn gàng và lịch sự.

Tất nhiên bạn cũng có thể gặp tình huống sau: giám khảo hỏi bạn nhiều câu hỏi liên quan đến thể thao khi thấy bạn mặc quần áo thể thao, hoặc đặt ra nhiều câu hỏi về thời trang và thiết kế thời trang khi thấy bạn ăn mặc hợp thời trang.

Các thắc mắc khác

⇒ Sau khi thi, tôi phải chờ bao lâu mới biết kết quả?

Thông thường là khoảng 10 ngày (không tính ngày nghỉ, lễ, Tết). Nếu bạn thi vào thứ 7 thì kết quả sẽ có vào ngày thứ 5 hay thứ 6 của tuần thứ 2 sau ngày thi. Nếu thời gian này có ngày lễ, Tết thì bạn phải đợi đến thứ 2 của tuần thứ 3 sau ngày thi.

⇒ Nếu tôi xin phúc khảo thì có chắc là điểm số của tôi sẽ được nâng lên không?

Xin phúc khảo là việc khá mạo hiểm. Tất nhiên cũng có trường hợp điểm số tăng lên sau khi thí sinh xin phúc khảo. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, điểm thi được giữ nguyên, thậm chí có thể bị hạ xuống. Vì vậy, trừ khi bạn rất tự tin với bài thi của mình, còn nếu không thì bạn không nên tùy tiện xin phúc khảo.

⇒ Lần này tôi thi chỉ được 5,5 điểm, vậy tôi cần cố gắng như thế nào để có thể đạt điểm cao hơn trong lần thi sau?

Bạn cần chú ý các điểm sau:

- kiểm tra xem mình thường phạm những lỗi ngữ pháp nào và tìm cách khắc phục (khi thi, bạn phải hạn chế tối đa việc phạm các lỗi đơn giản)
- đảm bảo tính logic khi trả lời câu hỏi (ví dụ khi đưa ra quan điểm, bạn cần giải thích vì sao mình có quan điểm đó)
- cố gắng phát âm rõ và chính xác
- tích lũy từ vựng liên quan đến nhiều chủ đề thường gặp, đặc biệt là các từ về ăn, mặc, ở, đi lại
- sử dụng các từ thường dùng trong văn nói như: vegetable, handy, awesome, appropriate, terrific, most importantly
- sử dụng cấu trúc phức tạp và nói đúng ngữ pháp

⇒ **Làm thế nào để cải thiện khả năng nói tiếng Anh?**

Muốn nói tiếng Anh tốt thì bạn phải nghe nhiều. Hãy luyện phát âm bằng cách sử dụng các tài liệu về phát âm, các bài tập luyện nghe hiểu và cố gắng phát âm giống với câu nghe được. Mặt khác, bạn phải tích lũy vốn từ, cụm từ và mẫu câu. Ngoài ra, hãy tận dụng mọi cơ hội trong cuộc sống để sử dụng tiếng Anh.

⇒ **Tôi nên học từ vựng như thế nào?**

Bạn nên học từ theo từng chủ đề. Chẳng hạn, khi nói về phim ảnh, chắc chắn bạn phải đề cập đến kịch bản, đạo diễn, diễn viên, khả năng diễn xuất, lời thoại, tình tiết... Trong trường hợp này, các từ được ghi nhớ theo chủ đề liên quan đến phim ảnh sẽ trở nên hữu ích.

⇒ **Tôi có nên học thuộc một số bài nói mẫu trước khi thi không?**

Giám khảo sẽ dễ dàng phát hiện nếu thí sinh học thuộc bài nói mẫu. Do đó, khi trả lời câu hỏi, bạn không nên nói cả một đoạn đã học thuộc lòng. Nếu phát hiện bạn đang “trả bài”, giám khảo sẽ ngắt ngang và đánh giá rất thấp về khả năng tiếng Anh của bạn.

Tuy nhiên, bạn có thể học thuộc một số mẫu câu và sử dụng chúng khi trình bày quan điểm của mình, ví dụ:

- As long as ..., I would ...
- Not only do I enjoy ..., but I am also a big fan of ...
- Only with a click of the mouse, ... is as easy as it sounds.

